# ĐẶT VẤN ĐỀ

Huyện Nghĩa Hành thuộc tỉnh Quảng Ngãi, cách tỉnh lỵ 9 km về phía Tây Nam, phía Bắc và Đông Bắc giáp huyện Tư Nghĩa, phía Nam giáp huyện Ba Tơ và Mộ Đức, phía Tây giáp huyện Minh Long, phía Đông và Đông - Nam giáp huyện Mộ Đức. Là huyện đồng bằng nhưng địa hình Nghĩa Hành không thuần nhất; Phía Tây có nhiều đồi núi, thung lũng, giống trung du; Phía Đông, tuy còn rải rác nhiều gò đồi nhưng địa hình thoải dần và hòa vào đồng bằng rộng lớn của các huyện Tư Nghĩa và Mộ Đức. Toàn huyện có 12 đơn vị hành chính gồm 01 thị trấn *(thị trấn Chợ Chùa)* và 11 xã. Tổng diện tích tự nhiên 234,58 km2, dân số 82.837 người, mật độ dân số 353 người/km2.

Luật Đất đai năm 2013 quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là 01 trong 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai (Điều 22); việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Đất đai năm 2013 (Điều 40), Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai *(Khoản 3 Điều 7, Khoản 1 Điều 8 và Khoản 2 Điều 9)* và hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, địa phương trên địa bàn huyện có liên quan đến sử dụng đất.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý đất đai. Luật Đất đai năm 2013 nêu rõ nguyên tắc sử dụng đất phải đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy định căn cứ để giao đất, cho thuê đất phải dựa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thông qua kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai. Quy hoạch sử dụng đất ở các cấp giúp nhà nước thực hiện được quyền định đoạt về đất đai, nắm chắc quỹ đất, đảm bảo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa công tác quản lý đất đai ở các địa phương đi vào nề nếp. Đồng thời đảm bảo cho việc chủ động dành quỹ đất hợp lý cho phát triển của các ngành, các lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu đất đai cho xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội, xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, thương mại, dịch vụ, khu dân cư.... góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, giữ vững ổn định tình hình xã hội đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Quy hoạch sử dụng đất đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 833/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ngãi, ngày 10/9/2021; Điều chỉnh bổ sung tại Quyết định 913/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 và Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023. UBND tỉnh phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cho cấp huyện tại Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024***.*** Vì vậy,UBND huyện Nghĩa Hành tiến hành lập hồ sơ ***“Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành”*** là công việc cần thiết, mục tiêu cơ bản để hoàn thành được thủ tục đất đai theo đúng tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh.

# \* MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nghĩa Hành được thể hiện ở các nội dung:

- Rà soát bổ sung, điều chỉnh các dự án, công trình cấp bách trên địa bàn huyện cần triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021-2025, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Xác định danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong 10 năm (2021-2030) phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, tỉnh, huyện.

- Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

- Làm căn cứ để để hoàn thành thủ tục đất đai theo đúng quyết định chủ trương đầu của Quốc hội và kịp tiến độ thực hiện dự án theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

**\* Nội dung chính của báo cáo:**

- Đặt vấn đề

- Phần I: Sự cần thiết Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất

- Phần II: Phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

- Phần III: Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành

- Phần VI: Giải pháp thực hiện

- Kết luận và kiến nghị.

**PHẦN I**

**SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

# I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

# 1.1. Các căn cứ pháp lý.

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013.

- Luật Quy hoạch ngàv 24 tháng 11 năm 2017.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018.

- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giai thích một số điều của Luật Quy hoạch.

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Quy hoạch xây dựng”, mã số QCVN 01:2021/BXD;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

- Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 13/09/2019 Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành

- Quyết định số 2519/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 về việc giao vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025

- Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 về việc ban hành Kế hoạch phát triển Kinh tế xã hội giai đoạn 2021 – 2025

- Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định 913/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 vào Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành;

- Quyết định 1209/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành;

- Nghị Quyết số 05 – NQ/HU ngày 30/06/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện, khóa XXII xây dựng và phát triển văn hóa, con người Nghĩa Hành đáp ứng yêu cầu phát triển huyện nông thôn mới nâng cao.

- Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 19/8/2020 Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nghĩa Hành.

- Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 12/11/2021 của HĐND huyện Nghĩa Hành về Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025.

- Nghị Quyết số 03-NQ/HU ngày 29/06/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về xây dựng và phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện Nghĩa Hành, nhất là hạ tầng chuỗi đô thị Hành Thuận – thị trấn Chợ Chùa – Hành Minh, giai đoạn 2020 -2025.

- Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 30/06/2021 của Ban Chấp Hành Đảng bộ huyện khóa XXII về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và nguồn nhân lực trong xã hội của huyện Nghĩa Hành, giai đoạn 2020 -2025.

- Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, 2021 – 2025.

- Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Nghĩa Hành Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương.

* Công văn số 2038/UBND-NNTN ngày 09/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 cấp tỉnh và lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2021-2030;
* Công văn số 6151/UBND-KTN ngày 04/12/2023 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025 cấp tỉnh và lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện;
* Công văn số 1219/UBND ngày 09/6/2023 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc chủ trương Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nghĩa Hành;
* Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện.

# 1.2. Các tài liệu chuyên môn sử dụng để lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

- Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

- Bản đồ Rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của huyện;

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Hành đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2035;

- Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Nghĩa Hành đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Báo cáo thuyết minh Quy hoạch và Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến 2030 huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi;

- Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nghĩa Hành;

- Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2.000 thị trấn Chợ Chùa;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm thị trấn Chợ Chùa;

- Tài liệu Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã của huyện Nghĩa Hành đến năm 2030;

- Kết quả kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 toàn huyện và các xã, thị trấn;

- Kết quả thống kê đất đai năm 2023;

- Niên giám thống kê huyện Nghĩa Hành năm 2022;

- Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương thực hiện đến năm 2030.

**II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT**

# **2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường.**

## ***2.1.1. Điều kiện tự nhiên.***

## ***a. Vị trí địa lý:***

Huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi nằm cách thành phố Quảng Ngãi khoảng 9 km về phía Tây Nam, tổng diện tích tự nhiên 234,58 km2, dân số 82.837 người, mật độ dân số 353 người/km2. Nằm ở tọa độ địa lý từ 14050’53’’ đến 15005’20’’ vĩ độ Bắc và từ 108041’07’’ đến 108051’10’’ kinh độ Đông. Ranh giới tiếp giáp các mặt như sau:

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp huyện Tư Nghĩa.

- Phía Nam giáp huyện Ba Tơ và Mộ Đức.

- Phía Tây giáp huyện Minh Long.

- Phía Đông và Đông - Nam giáp huyện Mộ Đức.

Toàn huyện có 12 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 5 xã miền núi (Hành Nhân, Hành Dũng, Hành Thiện, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây), 6 xã đồng bằng (Hành Thuận, Hành Trung, Hành Đức, Hành Minh, Hành Phước, Hành Thịnh) và TT Chợ Chùa.

Với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông hết sức thuận lợi, nằm trên hành lang trục cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi và Quốc lộ 24; tuyến đường tỉnh 624 chạy từ thành phố Quảng Ngãi đi xuyên qua trung tâm huyện Nghĩa Hành, nối với trung tâm huyện Minh Long, ngoài ra có các tuyến ĐT 624B, ĐT 628 đi qua địa bàn huyện nối liền với các huyện lân cận và các tuyến đường huyện đến trung tâm các xã và các khu dân cư tạo cho huyện có vị trí quan trọng trên bản đồ phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi; kết nối Quốc lộ 24, Quốc lộ 1A, Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi… giúp huyện thuận lợi trong việc giao lưu phát triển kinh tế - xã hội với các huyện trong tỉnh và khu vực.

## ***b. Địa hình, địa mạo:***

Căn cứ vào bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 cho thấy địa bàn huyện có ba dạng địa hình: đồng bằng, gò đồi và núi thấp, diện tích và phân bố các dạng địa hình như sau:

- Địa hình đồng bằng, diện tích 12.512,51 ha, chiếm 53,34 % diện tích tự nhiên. Phân bố tập trung ở địa bàn các xã: Hành Minh, Hành Thuận, Hành Đức, Hành Trung, Hành Phước, Hành Thịnh và TT Chợ Chùa. Đồng bằng Nghĩa Hành có đặc điểm tương đối bằng phẳng, độ cao địa hình từ 4 m – 15 m, thỉnh thoảng có đồi độc lập nằm giữa đồng bằng. Địa hình đồng bằng ở Nghĩa Hành rất thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội.

- Địa hình gò đồi, là dạng địa hình chuyển tiếp giữa núi và đồng bằng, độ cao trung bình khoảng 15-60 m, độ dốc từ 3O – 15O, diện tích 4.405,42 ha, chiếm 18,78 % diện tích tự nhiên, phân bố chuyển tiếp giữa địa hình đồng bằng với địa hình núi thấp. Tập trung nhiều ở các xã: Hành Dũng, Hành Nhân. Đặc điểm địa hình gò đồi lượn sóng, nghiêng từ Tây sang Đông. Tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

- Địa hình núi thấp, độ cao địa hình từ 60 - 500 m, độ dốc từ 15O - 25O, diện tích 6.540,10 ha, chiếm 27,88 % diện tích tự nhiên, phân bố về phía Tây, phía Nam và Tây Nam, tạo thành vành đai ranh giới tự nhiên giữa huyện Nghĩa Hành với huyện Minh Long và các huyện Ba Tơ, Đức Phổ, Mộ Đức *(về phía Tây Nam)*. Địa hình cao, độ dốc lớn, nên điều kiện giao thông và sản xuất nông nghiệp khó khăn.

## ***c. Khí hậu:***

Huyện Nghĩa Hành nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa duyên hải Nam Trung bộ, nền nhiệt độ cao, mưa tương đối nhiều, bức xạ lớn, cụ thể như sau:

- Nhiệt độ: Các tháng có nhiệt độ cao nhất từ tháng 4 đến tháng 8 hàng năm, các tháng có nhiệt độ thấp nhất từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau.

+ Nhiệt độ bình quân năm 26OC;

+ Nhiệt độ trung bình năm lớn nhất 29OC;

+ Nhiệt độ tối cao 41,0OC; Nhiệt độ tối thấp 12,6OC;

- Độ ẩm: Độ ẩm trong năm có sự chênh lệch khá lớn, độ ẩm cao nhất vào từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau.

+ Độ ẩm tương đối bình quân năm 85,5 %;

+ Độ ẩm tuyệt đối cao nhất 100 %;

+ Độ ẩm tuyệt đối thấp nhất 34 %.

- Bốc hơi: Lượng bốc hơi trung bình khoảng 80,3 mm/ tháng; mùa khô, lượng bốc hơi lớn, khoảng 112 mm/tháng; mùa mưa khả năng bốc hơi kém, chỉ chiếm khoảng 10-12 % lượng mưa cả tháng; các tháng cuối năm lượng bốc hơi chiếm 20-40 % lượng mưa trong tháng.

- Nắng: Tổng số giờ nắng trung bình khoảng 2.136 giờ; từ tháng 3 đến tháng 8 có số giờ nắng cao, khoảng 177 – 230 giờ/ tháng; từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau số giờ nắng giảm, khoảng 100 – 125 giờ/ tháng.

- Lượng bức xạ mặt trời: Tổng lượng bức xạ bình quân hàng năm từ 140-150 Kcal/cm2/năm; đạt cực đại vào tháng 4, từ 16-18 Kcal/cm2/tháng; cực tiểu vào tháng 7, từ 6-7 Kcal/cm2/tháng.

- Gió: Có 2 hướng gió chính là gió mùa Mùa Đông với hướng thịnh hành là Đông Bắc và gió mùa Mùa Hạ với hướng chính là Đông Nam, Nam. Ngoài ra trong Mùa Hạ có năm bị ảnh hưởng gió Tây Nam khô nóng, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống thêm phần khó khăn.

- Bão: Bão thường tập trung vào các tháng 9, 10, 11; hướng đi của bão thường là Đông-Tây, Đông Nam-Tây Bắc; gió mạnh cấp 9, cấp 10. Bão thường kèm theo mưa lớn kéo dài, gây lũ lụt nghiêm trọng. Hàng năm xuất hiện từ 1 – 4 cơn bão.

- Mưa: Lượng mưa trung bình hàng năm dao động trong khoảng từ 1800 mm – 2000 mm. Lượng mưa phân bố không đều giữa các khu vực trong huyện, và có xu hướng giảm dần từ Tây sang Đông. Khu vực gần núi ở phía Tây và Tây Nam huyện có lượng mưa rất lớn với tổng lượng mưa hàng năm dao động từ khoảng 2300 mm – 2500 mm. Lượng mưa phân bố không đều giữa các tháng trong năm, mưa tập trung từ tháng 9 đến tháng 12, chiếm 75% tổng lượng mưa cả năm. Thời kỳ ít mưa kéo dài từ tháng 01 đến tháng 8, chiếm khoảng 25% lượng mưa cả năm. Mưa lớn, tập trung trong thời gian ngắn gây ra lũ lụt và phân bố lượng nước không đều trong năm.

Tóm lại: Với nền nhiệt độ cao, tổng tích ôn và tổng lượng mưa lớn là điều kiện thuận lợi cho việc đa dạng hoá cây trồng. Tuy nhiên lượng mưa lớn nhưng phân bố không đều, hàng năm thường có bão, lụt, ngập úng ở vùng đồng bằng, xói lở đất ở khu vực đồi núi, ảnh hưởng xấu đến đời sống sản xuất của nhân dân, gây khó khăn trong công tác quản lý sử dụng đất đai.

## ***d. Thuỷ văn:***

Chế độ thuỷ văn huyện Nghĩa Hành chịu ảnh hưởng chính của sông Vệ và sông Phước Giang.

- Sông Vệ, là một trong những con sông lớn của tỉnh Quảng Ngãi. Sông bắt nguồn từ vùng núi cao phía Nam huyện Ba Tơ; chảy theo hướng Tây nam-Đông bắc, đổ ra biển Đông ở Cửa Lở. Sông có chiều dài 91 km với lưu vực 1.260 km2, độ cao trung bình của lưu vực 170 m, độ dốc trung bình của lưu vực 19,9%, mật độ lưới sông 0,91 km/ km2, lưu lượng dòng chảy trung bình nhiều năm (Qo, m3/s): 57,8 m3/s , môđun dòng chảy trung bình trong nhiều năm *(Mo, l/s/km2)*: 73,6 l/s/km2 và trong mùa lũ 140 l/s/km2. Sông Vệ chảy qua địa bàn huyện Nghĩa Hành dài 30 km, qua các xã Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Phước. Nước sông Vệ vào mùa mưa nước dâng cao gây lũ lụt, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống dân cư hai bên sông; Tuy nhiên lũ lụt mang một lượng phù sa đáng kể bồi đắp cho đồng ruộng. Mùa khô lưu lượng dòng chảy bình quân khoảng 8 m3/ s, được khai thác tưới cho đồng ruộng bằng hệ thống trạm bơm điện.

- Sông Phước Giang bắt nguồn từ huyện Minh Long, chảy qua huyện Nghĩa Hành hợp với sông Giang ở xã Hành Nhân, vòng qua Thị trấn Chợ Chùa, xuống sông Cây Bứa rồi đổ ra Biển Đông. Sông phước Giang là con sông nhỏ, lưu lượng dòng chảy về mùa mưa khá lớn, gây xói lở bờ sông đoạn đi qua địa bàn các xã Hành Nhân, Hành Dũng, về mùa khô lưu lượng dòng chảy nhỏ.

# ***2.1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.***

## *a. Tài nguyên đất:*

Căn cứ vào bản đồ đất tỉnh Quảng Ngãi tỷ lệ 1/100.000 cho thấy trên địa bàn huyện Nghĩa Hành gồm 06 nhóm đất chính với 11 chú dẫn đơn vị bản đồ đất theo hệ thống phân loại của FAO/WRB.

*a1) Nhóm đất phù sa:*

Đất phù sa của huyện Nghĩa Hành được tạo thành chủ yếu do quá trình lắng đọng phù sa của các dòng sông như sông Vệ, sông Phước Giang, ngoài ra còn có các dòng sông nhỏ khác. Do địa hình phức tạp, các dãy núi xen kẽ với đồng bằng, các vật liệu phù sa còn được bổ sung bởi các sản phẩm dốc tụ hay lũ tích từ các dãy núi xung quanh đồng bằng. Các hệ thống sông ngòi ở huyện chưa có đê nên các trận lũ, nước sông tràn ngập hết đồng bằng. Nước ngập phụ thuộc vào nước lũ đổ về từ các dãy núi phía Tây và thường rút đi rất nhanh. Do vậy, đặc điểm chung của đất phù sa là có thành phần cơ giới nhẹ và trung bình. Với 03 đơn vị chú dẫn bản đồ đất bao gồm đất phù sa không được bồi (P), đất phù sa được bồi (Pb), đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng (Pf).

- Đất phù sa không được bồi (P) có diện tích 2.871,07 ha, chiếm 12,24% DTTN, tập trung nhiều ở TT Chợ Chùa (435,74 ha) và các xã Hành Nhân (379,59 ha), Hành Thiện (336,06 ha), Hành Tín Tây (288,34 ha), Hành Phước (265,48 ha), Hành Tín Đông (253,82 ha), Hành Minh (216,44 ha). Đất có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình, trong đó cát pha và thịt nhẹ là chủ yếu. Đất có phản ứng chua hay chua ít, pHH2O thay đổi từ 5,0 - 6,5, pHKCl thay đổi từ 4,2 đến 5,0. Độ no bazơ thấp, biến động từ 10 - 40%. Hàm lượng chất hữu cơ trong đất thấp, OC% thay đổi từ 0,5% đến 1,0%; Tỷ lệ N tổng số thay đổi từ 0,04 % đến 0,08 %. Lân tổng số thấp, P2O5 biến động từ 0,01 - 0,04%, P2O5 dễ tiêu cũng rất thấp. Kali tổng số nghèo, K2O% <0,5%, kali trao đổi cũng thấp: 1,4 - 3,0 lđl/100 g đất. CEC từ 2,2 - 10,14 lđl/100 g đất. Loại đất này thích hợp với nhiều loại cây trồng khác nhau như các loại đậu đỗ, mía, bắp, lúa nước, dưa hấu, khoai lang, các loại rau, các loại cây ăn quả... Cơ cấu cây trồng còn phụ thuộc vào hệ thống thuỷ nông tưới và tiêu nước.

- Đất phù sa được bồi (Pb) có diện tích 207,06 ha, chiếm 0,88% DTTN, tập trung nhiều ở 02 xã Hành Phước (104,94 ha), Hành Thịnh (102,12 ha). Đất có thành phần cơ giới biến động từ cát pha đến thịt trung bình. Kết cấu hạt rời hay viên bé, đất khá tơi xốp. Đất có phản ứng trung tính hoặc chua ít, độ no bazơ > 50%. Hàm lượng các chất dinh dưỡng trong đất: OC tổng số và N% thay đổi từ 1,0 đến 1,5% và từ 0,07 đến 0,12 ở tầng A (tầng canh tác) và giảm nhanh ở các tầng dưới. P2O5% xung quanh 0,1%, P2O5 dễ tiêu thấp. K­2O% biến động mạnh từ 0,5 - 1,5%, K­2O trao đổi thấp. CEC thấp < 10 lđl/ 100g đất. Loại đất này thích hợp với nhiều loại cây trồng khác nhau như mía, bắp, lúa, các loại đậu đỗ, các loại rau, dưa hấu, chú trọng cơ cấu mùa vụ.

- Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng (Pf) có diện tích 1.680,91 ha, chiếm 7,17% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Thiện (279,85 ha), Hành Dũng (219,68 ha). Đất có thành phần cơ giới biến động từ cát pha đến thịt nhẹ, trong đó chủ yếu là thịt nhẹ. Đất có cấu trúc hạt rời, viên, cục bé nhẵn cạnh. Phản ứng của đất thay đổi từ rất chua đến chua, pH KCl biến động trong phạm vi 4,0 - 6,0. Độ no bazơ chủ yếu < 50%, rất ít khi gặp độ no bazơ > 50%; H+ thay đổi từ 1 - 6 lđl/100 g đất. Tỷ lệ các bon hữu cơ thấp, N% ở mức thấp. Lân tổng số biến động từ trung bình đến rất nghèo, P2O5% thường < 0,04%, lân dễ tiêu cũng rất nghèo, phổ biến ở mức < 5 mg/ 100g đất. Kali tổng số ở mức trung bình và nghèo, kali trao đổi rất thấp; K20% thường < 1,0%; K2O trao đổi < 5 mg/ 100 g đất. Dung tích hấp thụ của đất thấp CEC ≤ 5 lđl/ 100 g đất. Loại đất này phù hợp với việc gieo trồng các cây lương thực như lúa, ngô, khoai, các loại cây công nghiệp như mía, các loại đậu đỗ, các loại rau quả, ... Đối với từng cây trồng cụ thể sẽ có chế độ bón phân khác nhau, ngoài phân chuồng, phân đạm cần chú ý bón đủ lân và kali.

*a2) Nhóm đất xám:*

Đất hình thành phát triển trên các loại đá mẹ mẫu chất khác nhau trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, khoáng sét đã bị biến đổi, có quá trình rửa trôi sét và các cation kiềm tạo cho đất có tầng tích tụ sét. Hình thái phẫu diễn đất xám đặc trưng kiểu A.Bt hoặc A.Bt.C. Trong đó Bt là tầng tích tụ sét. Tầng Bt có thể có kết von (Btc) có glây (Btg) hoặc tích luỹ sắt (Bts). Tổng diện tích là 3.426,66 ha, chiểm 14,61% diện tích tự nhiên, với 02 đơn vị chú dẫn bản đồ đất bao gồm đất xám trên phù sa cổ (X), đất xám có tầng loang lổ đỏ vàng (Xf).

- Đất xám trên phù sa cổ (X) có diện tích 1.584,37 ha, chiếm 6,76% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Đức (334,42 ha), Hành Trung (315,97 ha), Hành Thuận (245,39 ha)... Đất có thành phần cơ giới nhẹ: ở tầng mặt có tỷ lệ cát khá cao (đạt 88%) trong đó chủ yếu là cát mịn, thường được xếp là đất cát mịn đến thịt pha cát. Sự gia tăng tỷ lệ sét ở những tầng tiếp theo là rõ ràng (ở phần lớn các phẫu diện tăng từ 1,5 lần trở lên). Cấp hạt sét ở những tầng này đạt đến 25%. Độ chua của đất được xếp chua và rất chua (pHKCl khoảng 4,8 - 4,1). Hàm lượng các bon hữu cơ tổng số (OC%) và đạm tổng số (N%) trong đất thấp từ 0,10 đến 0,51% và 0,08 % đến 0,04 %. Lân tổng số và lân dễ tiêu đều nghèo và rất nghèo 0,01 - 0,04% và 0,4 - 3,7 mg /100g đất. Kali tổng số ở mức trung bình đến nghèo trong đó chủ yếu là nghèo (0,15 - 1,16%); kali trao đổi nghèo và rất nghèo (1,4 - 6,1mg/100g đất). Đất có khả năng hấp phụ thấp (CEC thường đạt 1,20-3,76lđl/100g đất và 6,07-11,46lđl/100g sét. Độ bão hoà ba zơ thấp BS≤ 50%, có mẫu BS chỉ đạt 17%. Đất có hàm lượng dinh dưỡng thấp cả ở dạng tổng số và dạng dễ tiêu; đất chua; đất nhẹ dễ bị khô hạn và khả năng giữ nước phân kém. Tuy nhiên nhờ địa hình bằng phẳng và độ dày tầng đất lớn và đất tơi xốp nên dễ thích hợp nhiều loại cây trồng cạn như mía, điều và các loại hoa màu khác như lạc, vừng, đậu đỗ, dưa hấu, thuốc lá…Trong quá trình sử dụng loại đất này cần chú ý độ ẩm đất và có sự che phủ mặt đất thường xuyên bằng các loại cây trồng. Về phân bón, nhìn chung mọi loại phân đều có khả năng phát huy hiệu lực tối đa. Tuy nhiên, cũng cần xem xét loại cây và nhu cầu dinh dưỡng để bón đúng liều lượng và cân đối.

- Đất xám gley (Xg) có diện tích 1.842,29 ha, chiếm 7,86% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Phước (412,18 ha), Hành Đức (330,93 ha), Hành Thuận (296,13 ha), Hành Thịnh (203,2 ha). Đất có thành phần cơ giới nhẹ, chua và có hàm lượng dinh dưỡng trung bình khá.Trong tầng đất mặt, tỷ lệ cấp hạt sét thay đổi trong khoảng 15,5-25,5%, cấp hạt cát trong khoảng 48,5-55,5%. Độ chua hoạt tính (pHH2O) chỉ đạt 4,60-4,80 đơn vị và độ chua trao đổi (pHKCl) là 4,10-4,30 đơn vị. Dung tích hấp thu (CEC) trung bình khá, đạt 10,5-13,5 me/100gđ; bảo hòa bazơ thấp, chỉ đạt 16,5-20,5%. Các yếu tố dinh dưỡng trong đất thường không cân đối, hữu cơ và đạm khá đến rất giàu, song lân và kali lại nghèo. Số liệu phân tích các chỉ tiêu vừa nêu ở tầng đất mặt của các phẫu diện nghiên cứu cho giá trị là 2,5-3,8% OM; 0,16-0,19%N; 0,04-0,05% P2O5 và 0,04-0,06% K2O. Các độc chất trong đất có sắt hòa tan từ trung bình thấp đến trung bình, đạt đến 95,5-110,0 mg Fe2,3+/100gđ; tuy nhiên, nhôm di động vẫn thấp, chỉ khoảng 3,9-10,0 mg Al3+/100gđ. Đất xám gley (Xg) đất chuyên canh lúa *(thường là lúa 1 - 2 vụ)* hoặc luân canh lúa màu, một phần nhỏ là đất trồng chuyên màu, ven bìa suối rải rác cũng có ít đất chưa sử dụng. Đây là một loại đất thích hợp đối với chuyên canh lúa nước, hoặc luân canh lúa nước với các cây trồng cạn hàng năm. Vì vậy đề nghị nên tăng cường đầu tư thủy lợi, để sử dụng loại đất này cho trồng lúa, lúa- màu hoặc chuyên canh rau- màu.

*a3) Nhóm đất đỏ vàng:*

Tổng diện tích 13.058,18 ha, chiểm 55,69% diện tích tự nhiên toàn huyện. Đất hình thành phát triển trên các loại đá mẹ mẫu chất khác, nhau trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, quá trình rửa trôi diễn ra mãnh liệt, quá trình tích lũy sắt, nhôm… phổ biến. Đất có màu đỏ vàng, vàng đỏ, vàng nhạt tùy thuộc mức độ tích lũy sắt, nhôm. Nhóm đất đỏ vàng tại huyện Nghĩa Hành có 03 đơn vị chú dẫn bản đồ đất bao gồm đất vàng đỏ trên đá macma axit (Fa), đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp), đất đỏ vàng trên đá phiến sét và đá biến chất (Fs).

- Đất vàng đỏ trên đá macma axit (Fa) có diện tích 5.720,98 ha, chiếm 24,40% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Tín Đông (2.424,85 ha), Hành Dũng (1.377,8 ha), Hành Thiện (716,18 ha), Hành Thịnh (626,93 ha). Đất có thành phần cơ giới tầng mặt là thịt pha cát hay cát pha thịt. Mức gia tăng hàm lượng sét theo chiều sâu từ 1,4 đến 3,0 lần. Đất thường có kết cấu là viên hay cục nhỏ. Hàm lượng chất hữu cơ trong đất từ thấp đến trung bình. Tỷ lệ OC % khoảng 0,51-0,95%. Lượng đạm tổng số ở mức 0,04% đến 0,07%. Lân trong đất rất nghèo ở cả 2 dạng tổng số và dễ tiêu (0,01-0,06% P2O5 và 0,3 đến 1,1mg P2O5/100g đất). So với lân, hàm lượng kali có tỷ lệ khá hơn. Kali tổng số ở mức nghèo đến trung bình (1,00-1,74% K2O). Tương tự kali dễ tiêu dao động từ rất nghèo đến trung bình (1,2-11,6mg K2O/100 g đất). Đất có khả năng hấp phụ ở mức thấp CEC ≤ 10,95 lđl/100g đất). Tuy nhiên nếu xét khả năng hấp phụ của sét trong đất có thể đạt mức trung bình hoặc khá CEC ≤ 38,76l đl/100g sét). Điều này chỉ có thể thấy ở những mẫu đất đó tỷ lệ chất hữu cơ cao hơn (0,95%OC) và tỷ lệ sét cũng lớn hơn (đạt 12% sét).

Nhìn chung, đất có độ bão hòa bazơ thấp và rất thấp, BS từ 11 đến 45%. có tầng đất mỏng <50cm; độ dốc >80 nên sử dụng cho sản xuất nông nghiệp bị hạn chế. Ở những vùng đất có độ dày ở cấp 2 không nên sử dụng vào sản xuất nông nghiệp mà nên khoanh nuôi tái sinh rừng hoặc trồng rừng mới. Những khu vực đang là rừng các cấp, cần được duy trì và tu bổ. Ở nhưng nơi địa hình thấp và ít dốc hơn (có độ dốc < 150) có thể sử dụng vào sản xuất nông nghiệp như trồng cây lâu năm. Đối với loại đất này vấn đề chống xói mòn được chú ý đặc biệt để không dẫn tới đất xói mòn trơ sỏi đá khi khai thác sử dụng vào sản xuất nông nghiệp.

- Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp) có diện tích 1.672,22 ha, chiếm 7,13% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Dũng (787,03 ha), Hành Nhân (405,35 ha). Với thành phần cơ giới thịt nhẹ đến thịt trung bình, chua và thường có hàm lượng dinh dưỡng thấp đến trung bình thấp. Ở tầng đất mặt, tỷ lệ cấp hạt sét thay đổi trong khoảng 18,0-32,0%, trong khi đó cấp hạt cát lên đến 45,0-58,0%. Độ chua hoạt tính (pHH2O) chỉ đạt 4,2-4,6 đơn vị; độ chua trao đổi (pHKCl) là 3,6-4,1 đơn vị. Dung tích hấp thu (CEC) thấp đến trung bình khá, đạt khoảng 8,2-14,1 me/100gđ; bảo hòa bazơ (BS) thấp, chỉ khoảng 18,0-25,0%. Hữu cơ và đạm, cả tổng số và dễ tiêu, thường đạt mức trung bình thấp đến trung bình khá, theo thứ tự đạt khoảng 1,6-2,4% OM; 0,11-0,20% N và 3,8-6,9 mg N/100gđ. Lân và kali cả tổng số và dễ tiêu đều nghèo; trong đó, lân tổng số đạt: 0,03-0,05%; kali tổng số chỉ đạt khoảng 0,02-0,04%; lân dễ tiêu: 2,8-5,1 mg/100gđ và kali dễ tiêu là 2,5-6,5 mg/100gđ. Các độc chất trong đất thấp, sắt hòa tan chỉ đạt 13,5-30,5 mg Fe2,3+/100gđ và nhôm di động là 9,8-14,5 mg Al3+/100gđ.

- Đất có những đặc điểm khá phân biệt, dẫn đến chúng có khả năng sử dụng cũng khác nhau. Trong các khu vực đất tầng dày, độ phì khá, địa hình bằng phẳng, nên thể sử dụng để trồng các cây trồng cạn lâu năm hoặc hàng năm như các cây công nghiệp lâu năm, hàng năm, cây ăn quả đặc sản, hoa màu lương thực và rau quả các loại. Trong khi đó ở khu vực có địa hình khá dốc và tầng đất mỏng, độ phì kém đề nghị nên trồng điều, cây ăn quả hoặc trồng rừng để bảo vệ đất.

- Đất đỏ vàng trên đá phiến sét và đá biến chất (Fs) có diện tích 5.664,98 ha, chiếm 24,16% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Tín Tây (3.142,87 ha), Hành Thiện (933,02 ha), Hành Tín Đông (400, 6 ha). Đất có thành phần cơ giới trung bình đến nặng. Trong số các mẫu đất phân tích đa số mẫu có tỷ lệ sét cao (< 34%). Sự gia tăng tỷ lệ sét theo chiều sâu là rõ rệt từ 1,5 đến 2 lần. Đất có kết cấu tơi xốp, viên, cục bé. Đất có độ chua được xếp là chua và rất chua. pHH20 dao động trong khoảng 5,2 đến 6,5; pHKCl là 3,9-4,7. Hàm lượng chất hữu cơ trong đất dao động từ rất nghèo đến giàu. Các bon hữu cơ (OC) từ 0,13 đến 1,30%, cá biệt có mẫu đạt 1,90%. Tỷ lệ đạm tổng số trong khoảng 0,01-0,10% N. Tuy nhiên nói chung đất phần lớn có hàm lượng chất hữu cơ ở mức nghèo và trung bình. Lân trong đất khá nghèo, rất ít mẫu đạt mức trung bình. Lân tổng số ≤ 0,05% P2O5. Đặc biệt lân dễ tiêu thuộc mức rất nghèo và nghèo (≤ 1,98 mg P2O5/100g đất). Kali trong đất ở mức nghèo đến khá. Tuy nhiên đại bộ phận đất có hàm lượng kali nghèo. Kali tổng số dao động từ 0,21% đến 1,98%. Kali dễ tiêu biến động trong khoảng 0,9mg K2O đến 29,9 mg K2O/100g đất nhưng rất ít mẫu đạt mức ≥ 10 mg K2O/100g đất. Đất có khả năng hấp phụ thấp. CEC trong đất ≤10 lđl/100g đất và ≤ 24lđl/100g sét. Cá biệt có mẫu lên đến 33,6 lđl/100g sét. có độ phì khá, nhất là tỷ lệ chất hữu cơ. Thành phần cơ giới ở tầng dưới nặng hơn rõ rệt. Đồng thời trong đất tỷ lệ đá lẫn giảm.

Phần lớn đất này được phân bố ở độ dốc <150 là một yếu tố thuận lợi trong quá trình khai thác sử dụng đất cho sản xuất nông nghiệp, trong quá trình canh tác cần lưu ý đến hàm lượng sắt trong đất.

*a4) Nhóm đất dốc tụ:*

Có diện tích 450,8 ha, chiểm 1,92% diện tích tự nhiên phân bố chủ yếu ở các xã Hành Tín Tây (151 ha), Hành Thiện (102 ha). Đất hình thành ở địa hình thung lũng trên sản phẩm bồi tụ từ các vung đồi núi cao xung quanh. Thực chất của đất dốc tụ là hỗn hợp về thành phần mẫu chất. Đặc điểm của chúng, một mặt, bị chi phối quan trọng bởi đặc điểm của bề mặt bóc mòn từ các khu vực xung quanh có địa hình cao hơn, mặt khác, còn phụ thuộc vào độ dốc và chế độ nước ở khu vực bồi tụ. Vì vậy, hình thái phẫu diện cũng như đặc điểm lý- hóa học của đất dốc tụ, nhìn chung, khá phức tạp và có sự phân biệt đáng kể giữa các vị trí dốc tụ.

Tỷ lệ cấp hạt sét trong đất đạt khoảng 45,0-50,0%; cấp hạt limon là 25,0-30,0% và cấp hạt cát chỉ khoảng 20,0-25,0%. Độ chua hoạt tính (pHH2O) và trao đổi trao (pHKCl) theo thứ tự lên đến 5,4-5,8 và 4,7-5,0 đơn vị. Dung tích hấp thu (me/100gđ) và bảo hòa bazơ (%) khá cao, theo thứ tự lên đến 19,0-20,0 me/100gđ và 45,0-55,0%, cá biệt lên đến 56,2%. Các chất dinh dưỡng đa lượng trong đất cũng thường đạt mức khá: Ở tầng đất mặt, hữu cơ và đạm tổng số theo thứ tự lên đến 3,3-4,3%OM và 0,18-0,25%N. Lân tổng số trung bình khá, đạt 0,06-0,08% P2O5, song lân dễ tiêu vẫn nghèo, đạt 5,2-6,5 mg/100gđ. Kaly tổng số thấp: 0,03-0,05% K2O; kaly dễ tiêu nghèo, chỉ khoảng 3,5-5,5 mg/100gđ. Các độc chất trong đất có sắt hòa tan khá cao, khoảng 110-130 mg Fe2,3+/100gđ, song nhôm di động thường không xuất hiện.

Hiện nay, phần lớn diện tích đất đất dốc tụ trong huyện là ruộng lúa hoặc lúa màu, một phần là đất trồng cây ăn quả hoặc chuyên màu. Nhìn chung, đất dốc tụ có độ phì trung bình khá, lại được phân bố ở vị trí địa hình bằng thấp, vì vậy, chúng khá thích hợp cho bố trí chuyên canh lúa nước, chuyên canh cây trồng cạn hàng năm hoặc luân canh lúa nước với cây trồng cạn hàng năm.

*a5) Nhóm đất cát ven sông:*

Có diện tích 141,84 ha, chiểm 0,6% diện tích tự nhiên phân bố chủ yếu ở các xã Hành Tín Đông (113,51 ha) và Hành Tín Tây (28,33 ha). Đất hình thành do trầm tích của sông. Đất cát thường có thành phần cơ giới (TPCG) thô, (tỷ lệ cát phổ biến > 80 %), kết cấu rời rạc, rất nghèo dinh dưỡng. Hàm lượng chất hữu cơ (OM), đạm (N), lân (P2O5) và kali (K2O) tổng số và dễ tiêu đều thấp đến rất thấp; dung tích hấp thu/khả năng trao đổi cation (CEC) rất thấp, thường chỉ đạt < 10 meq/100 gam đất; khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng rất kém. Hiện đang được sử dụng trồng rau, màu và khu vực khai thác cát xây dựng.

*a6) Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá:*

Diện tích 221,62 ha, chiểm 0,95% diện tích tự nhiên toàn huyện, phân bố ở xã Hành Dũng (155,64 ha), Hành Nhân (43,13 ha); Hành Đức (22,85 ha). Đất hình thành do bị xói mòn mạnh trơ sỏi đá, tầng đất mặt bị bào mòn, rửa trôi mãnh liệt nên còn rất mỏng, có đá lộ đầu hoặc mất hẳn tầng đất để trơ ra cả đá gốc, trở nên khô hạn khốc liệt. Đất không còn kết cấu và đã kiệt chất dinh dưỡng. Hồi phục độ phì nhiêu cho loại đất chỉ còn cách là trồng cây gây rừng, nhưng đây là cả một vấn đề khó khăn, cần có sự đầu tư lớn với một thời gian dài.

*a7) Diện tích sông, suối, ao hồ*:

Có diện tích 1.390,41 ha, chiếm 5,93% diện tích tự nhiên.

## ***b. Tài nguyên nước:***

- Nước mặt: Kết quả điều tra thực tế cho thấy nguồn nước mặt cung cấp nước tưới cho đồng ruộng hầu hết các xã trong huyện Nghĩa Hành chủ yếu từ các sông Trà Khúc, sông Vệ và sông Phước Giang, trong đó:

+ Nguồn nước mặt sông Trà Khúc, thông qua hệ thống kênh thuỷ lợi Thạch Nham, là nguồn nước chính cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt cho địa bàn 9 xã: Hành Thuận, Hành Trung, Hành Đức, Hành Minh, Hành Nhân, Hành Dũng, Hành Nhân, Hành Thịnh, Hành Phước.

+ Nguồn nước sông Vệ, thông qua hệ thống trạm bơm, cung cấp nước phục vụ sản xuất cho các xã Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Thiện.

+ Nguồn nước sông Phước Giang, thông qua các công trình thuỷ lợi nhỏ như: đập Đồng Thét được xây dựng trên sông Phước Giang, cung cấp nước tưới cho ruộng lúa ở xã Hành Nhân.

Nhìn chung nguồn nước mặt tương đối phong phú, cung cấp nước tưới cho phần lớn diện tích đất canh tác cây hàng năm và nước cho sinh hoạt và sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện. Tuy nhiên do chịu ảnh hưởng của chế độ mưa theo mùa, các dòng sông vừa dốc vừa ngắn nên về mùa khô tình trạng thiếu nước tưới cho cây trồng vẫn xảy ra.

- Nguồn nước ngầm: Hiện nay, trên đia bàn huyện phần lớn nhân dân trong đang sử dụng nguồn nước ngầm mạch ngang, nông bằng giếng đào, độ sâu có nước từ 4 – 10 m, phục vụ sinh hoạt, nhìn chung nguồn nước ngầm ở Nghĩa Hành có chất lượng tốt, có thể phục vụ tốt cho sinh hoạt. Theo báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ điều tra, đánh giá khoanh định vùng hạn chế và vùng cho phép khai thác nước dưới đất trên đia bàn tỉnh Quảng Ngãi do Liên đoàn quy hoạch và điều tra tài nguyên nước miền Trung thực hiện cho thấy, lưu lượng bơm thử nghiệm khoảng 4-6 lít/s; tổng trữ lượng nước dưới đất có thể khai thác tại huyện Nghĩa Hành 63.776 m3/ngày, trong đó chủ yếu từ tầng chứa nước lỗ hổng trầm tích Holocen và Pleistocen; do nguồn nước ngầm ở Nghĩa Hành tồn tại và vận động trong các lỗ hổng của đất, đá bở rời *(nước lỗ hổng)* và trong các khe nứt của đá cứng nứt nẻ *(nước khe nứt)*, chỉ thích hợp với khai thác quy mô nhỏ.

## *c. Tài nguyên rừng:*

Theo thống kê hiện trạng sử dụng đất năm 2023, diện tích đất lâm nghiệp của huyện có 10.201,45 ha. Trong đó: Rừng phòng hộ có 1.021,96 ha và rừng sản xuất có 9.179,48 ha. Rừng tự nhiên ở Nghĩa Hành đa phần là rừng thứ sinh với rất ít loài thuộc loại gỗ quí hiếm; Rừng trồng chủ yếu là rừng keo nguyên liệu, điều … sản lượng gỗ rừng trồng hàng năm khai thác khoảng 40-50 ngàn m3/năm. Độ che phủ đạt khoảng 43,8%.

# *d. Tài nguyên khoáng sản:*

Theo tài liệu Quy hoạch thăm dò khai thác khoáng sản tỉnh Quảng Ngãi cho thấy trên địa bàn huyện Nghĩa Hành có một số khoáng sản như sau:

- Cao lanh ở các xã Hành Nhân, Hành Dũng, với qui mô nhỏ.

- Đá xây dựng có trữ lượng khá, nằm rải rác ở các xã Hành Thịnh, Hành Dũng, Hành Minh, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Nhân, Hành Đức, hàng năm khai thác từ 3 - 4 triệu viên đá ong, đá chẻ.

- Cát xây dựng phân bố dọc theo sông Vệ và sông Phước Giang với trữ lượng tương đối lớn. Tuy chất lượng cát không được sạch vì tạp chất nhiều nhưng đây là nguồn vật liệu xây dựng đáp ứng cho nhu cầu xây dựng ngày càng tăng trong địa bàn huyện.

- Đất sét dùng để sản xuất gạch ngói có trữ lượng lớn, hàng năm có thể khai thác khoảng 20.000 m3. Tuy nhiên đất sét phần lớn phân bố ở trên đồng ruộng, do đó việc khai thác phải kết hợp với cải tạo mặt bằng, bảo vệ đất lúa.

- Nước khoáng silic sunfua hydro cacdizit, là loại nước khoáng nóng có tác dụng chữa bệnh tốt, phân bố tại xã Hành Nhân. Hiện nay đang thăm dò và lập dự án đầu tư khai thác.

## *e. Tài nguyên nhân văn:*

Huyện Nghĩa Hành có bề dày lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, có truyền thống cách mạng do vậy tài nguyên nhân văn của huyện khá phong phú, đa dạng với nhiều di tích văn hóa lịch sử tiêu biểu. Toàn huyện có 5 di tích cấp quốc gia *(Di tích Kiến trúc Trường Luỹ Quảng Ngãi; Di tích Chiến thắng Đình Cương, vị trí nằm ở phía Nam huyện Nghĩa Hành, nằm giữa 4 xã Hành Phước, Hành Thiện, Hành Đức và Hành Minh; Di tích Trụ sở Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Nam Trung Bộ tại thôn Phú Bình Trung; Di tích vụ thảm sát Khánh Giang - Trường Lệ và Đình làng An Định xã Hành Dũng)* và 15 di tích cấp tỉnh được xếp hạng.

Bên cạnh những di tích lịch sử văn hóa kể trên địa phương còn có một số văn hóa phi vật thể như Dân ca Bài chòi, lễ lễ hội đua thuyền truyền thống trên sông Vê.., ngoài ra còn có một số khu vực có cảnh quan thiên nhiên đẹp có giá trị phát triển du lịch như Suối Chí ở xã Hành Tín Đông, suối nước nóng ở xã Hành Nhân... Đây là lợi thế để huyện Nghĩa Hành khai thác phát triển du lịch góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

# ***2.1.3. Phân tích thực trạng môi trường.***

## *a. Môi trường nước:*

- Hiện tại nguồn nước mặt trong khu vực quy hoạch khá dồi dào với hệ thống sông suối, ao hồ như Sông Vệ, sông Phước Giang, các suối…, là các trục tiêu nước chính của khu vực. Nguồn gây ô nhiễm nước chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp. Theo kết quả khảo sát thực tế thì chất lượng nước mặt trong khu vực quy hoạch vẫn còn tốt, chưa bị biến đổi nhiều, các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh, kim loại nặng đều nằm trong TCCP, chỉ có một số vị trí là nơi tiếp nhận nguồn thải là có dấu hiệu suy giảm cục bộ, nước có màu đen đục, mùi hôi. Tiêu biểu là tuyến mương chảy qua cụm công nghiệp Đồng Dinh, là nơi tiếp nhận toàn bộ nước thải chưa qua xử lý của cụm công nghiệp khiến cho nguồn nước có dấu hiệu ô nhiễm cục bộ. Tuy nhiên hiện nay toàn bộ nước thải sinh hoạt của các khu dân cư nông thôn và thị trấn Chợ Chùa chưa qua xử lý thải trực tiếp ra môi trường đây sẽ là một trong những nguy cơ dẫn tới ô nhiễm môi trường nước.

- Nguồn nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của người dân khu vực chủ yếu là nguồn nước ngầm, được sử dụng trực tiếp không qua xử lý *(trừ khu vực thị trấn Chợ Chùa có nhà máy nước sinh hoạt)*. Qua khảo sát thực tế thì hiện tại nguồn nước ngầm chất lượng tốt, tuy nhiên đã có hiện tượng sụt giảm mực nước do việc khai thác sử dụng quá mức của người dân.

## *b. Môi trường đất:*

- Tác động của con người: Trong khu vực nghiên cứu môi trường đất hầu như chưa bị tác động mạnh. Nguồn gây ô nhiễm chính cho môi trường đất là chất thải trong sinh hoạt của người dân và các loại hóa chất trong sản xuất nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... Nhìn chung, lượng chất thải này hiện vẫn chưa gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đất. Tuy nhiên một số khu vực đất trống, rác thải vứt bừa bãi gây mất cảnh quan, gây ô nhiễm môi trường đất, nước cục bộ.

- Tác động của thiên nhiên: Do tác động của biến đổi khí hậu làm cho tình trạng hạn hán vào mùa khô ngày càng gay gắt, kéo theo đất đai trở nên chai cứng, hàm lượng chất dinh dưỡng trong đất suy giảm nghiêm trọng. Bên cạnh đó mùa mưa tập trung với lượng mưa lớn gây ngập lụt, sạt lở đất ven sông suối dẫn đến tình trạng thoái hóa đất đai đặc biệt là những khu vực các xã vùng cao.

Mức độ sạt lở ven sông Vệ đoạn qua huyện ngày càng nghiêm trọng. Tình trạng này làm giảm đất sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến nhiều tuyến đường giao thông và đe dọa cuộc sống của hàng trăm hộ dân nơi đây: Có 3 thôn là An Chỉ Tây, Hòa Mỹ và Thuận Hòa ở xã Hành Phước, thường xuyên xảy ra sạt lở đất vào mùa mưa bão. Trong đó: Thôn An Chỉ Tây là một trong 3 điểm sạt lở nặng nề nhất. Năm 2019, điểm sạt lở đã ăn sâu vào nền đường giao thông khoảng gần 1km.

## *c. Môi trường không khí:*

Không khí ở khu vực đô thị nhìn chung còn khá tốt, một số nơi chất lượng không ổn định do chịu ảnh hưởng của hoạt động giao thông, xây dựng và các hoạt động công nghiệp nằm xen kẽ trong khu dân cư. Môi trường không khí tại cơ sở sản xuất, cụm công nghiệp đã bắt đầu bị ô nhiễm, chủ yếu tập trung ở cụm công nghiệp Đồng Dinh. Nguyên nhân một phần là do các hầu hết các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp đều chưa quan tâm đến việc xử lý khí thải, mặt khác cụm công nghiệp còn đang trong giai đoạn hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, đã làm ảnh hưởng đến chất lượng không khí.

Theo đánh giá từ đồ án quy hoạch vùng huyện cho thấy, tại khu vực đô thị và các khu dân cư tập trung, độ ồn vẫn nằm trong tiêu chuẩn cho phép. Đối với khu vực dọc theo các trục giao thông chính độ ồn khoảng 65 - 70 dBA, xấp xỉ vượt ngưỡng tiêu chuẩn cho phép.

# **2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.**

***2.2.1. Chỉ tiêu về kinh tế:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **CHỈ TIÊU CHỦ YẾU** | **Đơn vị tính** | **Chỉ tiêu Kế hoạch** | **Ước TH năm 2023** | **So với Kế hoạch** |
| **A. Nhóm chỉ tiêu về kinh tế** | | **(100%)** | Chỉ tiêu | | |
| 1 | Tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất | % | 9,22 | 9,68 | Vượt |
| *Trong đó:* | *Tốc độ tăng trưởng Ngành Nông - lâm nghiệp, thủy sản* | *%* | *4,12* | *4,72* | Vượt |
| *Tốc độ tăng trưởng Ngành Công nghiệp*  *- Xây dựng* | *%* | *10,5* | *11,55* | Vượt |
| *Tốc độ tăng trưởng Ngành Thương mại - Dịch vụ* | *%* | *10,7* | *10,73* | Vượt |
| *2* | Cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng ngành Nông - lâm nghiệp, thủy sản, tăng tỷ trọng ngành Công nghiệp - xây dựng và ngành Thương mại - dịch vụ. Cụ thể: |  |  |  | Đạt |
| *Nông - lâm nghiệp, thủy sản* | *%* | *20,61* | *20,51* |  |
| *Công nghiệp - xây dựng* | *%* | *30,76* | *30,79* |  |
| *Thương mại - dịch vụ* | *%* | *48,63* | *48,70* |  |
| 3 | Sản lượng lương thực có hạt | Tấn | 49.323 | 49.331,60 | Đạt |
| 4 | Đàn trâu | Con | 3.105 | 3.113 | Vượt |
| 5 | Đàn bò | Con | 24.529 | 24.555 | Vượt |
| *Trong đó, tỷ lệ bò lai* | *%* | *97,5* | *97,5* | Đạt |
| 6 | Đàn lợn | Con | 55.600 | 56.165 | Vượt |
| 7 | Giá trị ngành CN-TTCN (địa phương) | Tỷ đồng | 830,14 | 807,38 | Không đạt |
| 8 | Giá trị ngành Thương mại - Dịch vụ | Tỷ đồng | 2.636,46 | 2.637,24 | Vượt |
| 9 | Tổng thu ngân sách trên địa bàn vượt chỉ tiêu tỉnh giao | % | 5 | 17,36 | Vượt |
| 10 | Tổng chi ngân sách địa phương | Tỷ đồng | 444,444 | 444,444 | Đạt |
| **B. Nhóm chỉ tiêu về xây dựng NTM, phát triển đô thị** | | | | | |
| 11 | Phấn đấu xây dựng thôn NTM kiểu mẫu | Thôn | 3-5 | 0 |  |
| 12 | Hoàn thành tiêu chí tuyến phố văn minh của đô thị loại V | Tiêu chí | 01 | 01 | Đạt |
| **C. Nhóm chỉ tiêu về văn hóa - xã hội** | | | | | |
| 13 | Về giáo dục và đào tạo |  |  |  |  |
|  | - Giữ vững 12/12 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập tiểu học, THCS và giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi | Xã, thị trấn | 12 | 12 | Đạt |
|  | - Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia | Trường | 05 | 05 | Đạt |
| 14 | Về văn hóa |  |  |  | Vượt |
|  | *- Hộ gia đình văn hóa* | *Hộ* | *23.136* | *23.358* | Vượt |
|  | *- Thôn, tổ dân phố văn hóa* | *Thôn, TDP* | *72* | *72* | *Đạt* |
|  | *- Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới* | *Xã* | *11* | *Không đánh giá theo văn bản của TW* | |
| 15 | Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên | % | 0,6 | 0,6 | Đạt |
| 16 | Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi | % | Dưới 6 | Dưới 4,3 | Vượt |
| 17 | Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế | % | 100 | 100 | Đạt |
| 18 | Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ | % | 100 | 100 | Đạt |
| 19 | Số lao động có việc làm tăng thêm | Lao động | 500 | 502 | Vượt |
| 20 | Tỷ lệ hộ nghèo | % | 3,39 | 3,2 | Vượt |
| **D. Nhóm chỉ tiêu về tài nguyên, môi trường** | | | | | |
| 21 | Độ che phủ rừng | % | 42 | 43 | Vượt |
| 22 | Tỷ lệ cây xanh ở trung tâm huyện lỵ | % | 91 | 91 | Đạt |
| 23 | Tỷ lệ dân cư được dùng nước hợp vệ sinh | % | 100 | 100 | Đạt |
| **E. Nhóm chỉ tiêu về Quốc phòng - An ninh** | | | | | |
| 24 | Tuyển quân đạt chỉ tiêu tỉnh giao | % | 100 | 100 | Đạt |
| 25 | Tỷ lệ lực lượng dân quân tự vệ trong tổng dân số | % | 1,48 - 1,5 | 1,77 | Vượt |
| 26 | Tỷ lệ xã, thị trấn đạt vững mạnh về Quốc phòng- An ninh | % | 100 | 100 | Đạt |
| Trong đó, tỷ lệ xã, thị trấn đạt vững mạnh  toàn diện | % | 70 - 80 | 80 | Đạt |

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2023 như sau:

Trong 26 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2023, có 01 chỉ tiêu phấn đấu thực hiện nên không đánh giá *(Chỉ tiêu số 11: Phấn đấu xây dựng 3-5 thôn NTM kiểu mâu);* dự kiến thực hiện đạt 24/25 chỉ *tiêu (trong đó có 12 chỉ tiêu vượt)* so với chỉ tiêu tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện đề ra và 01 chỉ tiêu không đạt. Trong đó, **12 chỉ tiêu vượt**, gồm:

1. Tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất đạt 9,68% *(KH: 9,22%).*
2. Đàn trâu 3.113 con *(KH: 3.105 con).*
3. Đàn bò 24.555 con *(KH: 24.529 con).*
4. Đàn lợn 56.165 con *(KH55.600 con).*
5. Giá trị ngành Thương mại - Dịch vụ 2.637,24 tỷ đồng *(KH: 2.636,46 tỷ đồng).*
6. Tổng thu ngân sách trên địa bàn vượt chỉ tiêu tỉnh giao 15,77% *(KH: 5%).*
7. Hộ gia đình văn hóa đạt 23.358 hộ *(KH: 23.136 hộ).*
8. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi đạt dưới 4,3% *(KH: dưới 6%).*
9. Số lao động có việc làm tăng thêm đạt 502 lao động *(KH: 500 lao động);* trong đó Lao động tham gia làm việc có thời hạn tại các nước theo hợp đồng: 35 lao động *(KH: 12-15 lao động).*
10. Tỷ lệ hộ nghèo 3,2% *(KH: 3,39%).*
11. Độ che phủ rừng 43% *(KH: 42%).*
12. Tỷ lệ lực lượng dân quân tự vệ trong tổng dân số 1,77% *(KH: 1,48 - 1,5%).*

**\* Kết quả đạt được theo ngành, lĩnh vực**

Tổng giá trị sản xuất ước đạt 5.423,53 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010), tăng 9,68% so với cùng kỳ năm 2022, vượt 0,04%KH năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đạt kế hoạch đề ra: nông - lâm nghiệp, thủy sản chiếm 20,51%; công nghiệp - xây dựng chiếm 30,79% và thương mại - dịch vụ chiếm 48,7%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 50,42 triệu đồng/người/năm, tăng 3,36 triệu đồng/người/năm so với năm 2022, vượt Kế hoạch *(KH: 50 triệu đồng/người/năm)*.

1. **Sản xuất nông - lâm nghiệp, thủy sản**

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 1.117,45 tỷ đồng, tăng 4,72% so với năm 2022, đạt 100,03% kế hoạch năm.

*Về trồng trọt:* Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt đạt 7.489,26 ha, giảm 4,13% so với năm 2022; sản lượng đạt 49.331,60 tấn, đạt 99,11% so với năm 2022 và 100,02% KH. Trong đó; cây lúa: diện tích 6.022,9 ha, giảm 3,17% so với năm 2022, vượt 0,21% KH; năng suất 65,86 tạ/ha, tăng 3,1% so với năm 2022, vượt 0,89% KH; sản lượng 39.666,82 tấn, giảm 0,16% so với năm 2022, vượt 1,1% KH; cây ngô: diện tích trồng cây ngô lấy hạt ước đạt 1.466,36 ha, giảm 7,91% so với năm 2022, đạt 95,75%KH; năng suất 65,91 tạ/ha, tăng 4,49% so với năm 2022, đạt 100,06%KH; sản lượng 9.664,78 tấn, giảm 3,78% so với năm 2022, đạt 95,80% KH.

Nhìn chung tình hình sản xuất các loại cây trồng năm 2023 bị chuột phá hại nhiều làm ảnh hưởng đến năng suất các loại cây trồng; diện tích đất sản xuất nông nghiệp giảm do bị thu hồi phục vụ Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam, giai đoạn 2021 - 2025 và chuyển đổi loại cây trồng sang các loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn như ngô sinh khối, cỏ voi... đã ảnh hưởng đến sản lượng lương thực có hạt. Diện tích chuyển đổi từ đất trồng lúa 01 vụ kém hiệu quả sang các loại cây trồng hằng năm khác có giá trị kinh tế cao hơn (ngô sinh khối, cỏ voi, mè đen.) khoảng 49 ha. Tiếp tục triển khai thực hiện cánh đồng mẫu lớn trên 05 cánh đồng với tổng diện tích 113 ha, năng suất đạt 69 - 70 tạ/ha; triển khai thực hiện 03 mô hình trình diễn, sản xuất thử các loại giống lúa (52,3ha), giống sắn (05 ha) mới đạt năng suất cao. Ứng dụng các biện pháp kỹ thuật về “1 phải 5 giảm” trong sản xuất lúa; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa sản xuất thiếu nước. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, quy trình canh tác bền vững; tăng cường áp dụng cơ giới hóa nhằm tăng hiệu quả kinh tế.

Mở rộng và phát triển vùng chuyên canh cây ăn quả theo hướng sử dụng các giống cây trồng, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất để tăng năng suất, chất lượng. Tổng diện tích trồng cây ăn quả trên địa bàn huyện đạt 804,7 ha; chủ yếu với các loại cây: chuối 162,89 ha, sầu riêng 121,72 ha, 238,14 ha, mít 166,27 ha; còn lại là các loại cây ăn quả khác như chôm chôm, thanh long, nhãn, xoài, bơ, ổi, dứa...

*Về chăn nuôi và thú y:* Đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định; tổng đàn gia súc ước đạt 83.833 con, đàn gia cầm đạt 409.705 con. Thực hiện chương trình cải tạo giống bò thịt, nâng cao tầm vóc và chất lượng đàn bò thịt qua các giống bò cao sản, BBB, bò lai... Chú trọng phát triển đàn heo theo hướng nạc; chăn nuôi gia súc, gia cầm theo mô hình trang trại; nâng cao chất lượng con giống; ứng dụng khoa học công nghệ, chăn nuôi an toàn sinh học và an toàn thực phẩm. Chú trọng công tác kiểm soát dịch bệnh ở gia súc, gia cầm; thực hiện tốt công tác khử trùng tiêu độc chuồng trại, lò mổ, các nơi mua bán gia súc, gia cầm; tiêm phòng vắc xin cho gia súc, gia cầm.

*Lâm nghiệp:* Diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 1.000 ha, giảm 19,7% so với năm 2022, đạt 88,65%KH. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 8.000m3. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 43%, tăng 2,38% so với cùng kỳ, vượt 2,3% KH năm *(KH: 42%).* Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát tình hình chặt phá rừng, làm rẫy, đốt than, khai thác gỗ và lâm sản, các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, vi phạm các quy định PCCCR; không xảy ra tình trạng cháy rừng, phá rừng.

*Thủy sản:* Tổng diện tích nuôi thủy sản nước ngọt trên địa bàn huyện là 32,7 ha, đạt 102,09% KH; sản lượng nuôi trồng ước đạt 76 tấn, tăng 71,13% so với cùng kỳ, đạt 101,33% KH năm; sản lượng khai thác thủy sản 60,37 tấn, đạt 100,62% KH. Các đối tượng thả nuôi chủ yếu là các loại cá nước ngọt truyền thống như: cá diêu hồng, rô phi, cá mè, trắm cỏ, trê lai.

*Về công tác thủy lợi, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:* Thường xuyên theo dõi tình hình hạn hán trên địa bàn; nâng cấp, kiên cố hóa kênh mương nội đồng tại các xã Hành Tín Đông, Hành Thiện để đảm bảo lượng nước tưới phục vụ sản xuất cho Nhân dân. Kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống hạn; B an Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện; phân công phụ trách, theo dõi tình hình tại các địa phương để nắm thông tin, triển khai công tác phòng, chống hạn, phòng, chống thiên tai kịp thời. Tăng cường tuyên truyền Nhân dân chủ động ứng phó thiên tai, hạn chế thiệt hại về người và tài sản do mưa, bão gây ra.

1. **Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và phát triển các cụm công nghiệp**

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2023 ước đạt 807,38 tỷ đồng, tăng 9,36% so với năm 2022, đạt 97,26% KH năm *(KH: 830,14 tỷ đồng).* Thực hiện tốt công tác quản lý các cụm công nghiệp trên địa bàn; chú trọng thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm Công nghiệp Đồng Dinh và chỉ đạo triển khai bồi thường, giải phóng mặt bằng và thực hiện dự án; tăng cường thu hút đầu tư đối với các dự án đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cụm công nghiệp Đồng Dinh. Hoàn tất các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hành Minh - Hành Đức và công khai mời các nhà đầu tư nộp hồ sơ trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định điều chỉnh nội dung thành lập Cụm công nghiệp Hành Minh - Hành Đức, trong đó có nội dung chấp thuận Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Hiện đang tiến hành thực hiện các thủ tục liên quan đến việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 dự án Cụm Công nghiệp Hành Đức - Hành Minh và các nội dung liên quan đến thủ tục đầu tư, công tác lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động thu mua, vận chuyển gỗ keo trên địa bàn; yêu cầu dừng hoạt động đối với các trạm cân keo không đảm bảo theo quy định.

1. **Thương mại, dịch vụ**

Giá trị thương mại - dịch vụ ước đạt 2.637,24 tỷ đồng, tăng 10,73% so với năm 2022, đạt 100,03%KH. Các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh hoạt động tốt, thị trường tiêu thụ sản phẩm thuận lợi. Du lịch có sự thay đổi tích cực. Ban hành Kế hoạch phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn huyện Nghĩa Hành. Các điểm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng thu hút đông đảo du khách đến tham quan, trải nghiệm. Các nhà đầu tư quan tâm đầu tư, nâng cấp nhiều hạng mục, mở rộng nhiều sản phẩm có chất lượng. Doanh thu ngành dịch vụ ước đạt hơn 15 tỷ đồng/năm.

Tín dụng ngân hàng tăng trưởng khá, chủ yếu cho vay hộ sản xuất kinh doanh và cá nhân phục vụ cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn; cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, xuất khẩu lao động,... góp phần giải quyết an sinh xã hội trong huyện.

1. **Về công tác quy hoạch và phát triển đô thị**

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng đô thị, xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Chợ Chùa, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 và tổ chức công khai. Tăng cường triển khai thực hiện các tiêu chí đô thị loại V, hoàn thành tiêu chí Tuyến phố văn minh. Thường xuyên kiểm tra, xử lý các trường hợp lấn chiếm vỉa hề, lòng lề đường nhằm thiết lập trật tự quản lý đô thị. Ước đến hết năm 2023, tỷ lệ đô thị hóa huyện Nghĩa Hành đạt 11,2%.

**2.2.2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội**

**a. Giáo dục và đào tạo**

Số học sinh đầu năm học 13.523 học sinh, đạt 101,08%KH năm, tăng 1,81% so với năm 2022. Triển khai công tác dạy và học năm học 2022 - 2023 đạt chất lượng, hiệu quả; tổ chức nhiều cuộc thi cho học sinh, giáo viên các cấp, tạo khí thế thi đua sôi nổi, phát hiện nhiều tài năng ở nhiều lĩnh vực và cử đi dự thi cấp tỉnh, đạt nhiều thành tích cao. Duy trì 12/12 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học có sở đạt mức độ 2 và phổ cập giáo dục xóa mù chữ đạt mức độ 2. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các đơn vị giáo dục; đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm 2023; lũy kế đến cuối năm 2023, toàn huyện có 28/36 trường đạt chuẩn quốc gia *(9/12 trường mầm non, 10/12 trường Tiểu học, 9/12 trường THCS),* đạt tỷ lệ 77,8%. Tăng cường kiểm tra trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích ở học sinh; thực hiện chuyển đổi số trong quản lý giáo dục. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025; đẩy mạnh các hoạt động phát động phong trào, tổ chức các hội thi hưởng ứng Ngày sách Việt Nam.

1. **Y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân**

Công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân từng bước được cải thiện, nhất là tuyến y tế cơ sở. Mạng lưới hệ thống thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân trên địa bàn có sự phát triển tích cực. Cơ sở vật chất, dụng cụ y tế và thuốc cơ bản đáp ứng yêu cầu khám, điều trị bệnh của Nhân dân; quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân lực y tế nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới.

Triển khai thực hiện chuyển đổi số tại các cơ sở khám chữa bệnh, đảm bảo 100% cơ sở khám, chữa bệnh tuyến huyện triển khai phần mềm Quản lý bệnh viện (HIS) kết nối liên thông với Cổng dữ liệu Bộ Y tế, Cổng BHXH. Riêng tại tuyến xã triển khai phần mềm quản lý toàn diện hoạt động của Trạm Y tế xã, thị trấn. Các cơ sở khám, chữa bệnh đồng loạt triển khai các giải pháp nhằm giảm thời gian chờ đợi của người bệnh, nâng cao chất lượng dịch vụ như: thanh toán viện phí không dùng tiền mặt và triển khai Nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử. Các cơ sở khám chữa bệnh triển khai khám chữa bệnh BHYT bằng thẻ căn cước công dân hoặc qua ứng dụng VnelD tạo điều kiện rút ngắn thời gian cho người dân... Triển khai tư vấn, khám, chữa bệnh từ xa qua phần mềm “Bác sĩ cho mọi nhà” trong toàn ngành, tuyên truyền cho người dân, người bệnh sử dụng ứng dụng phần mềm “Bác sĩ cho mọi nhà” ngay tại tuyến y tế cơ sở, đặt lịch hẹn và tư vấn khám, chữa bệnh một cách nhanh chóng, cơ hội được tiếp cận với đội ngũ bác sĩ trình độ cao ở tuyến trên. Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng hồ sơ bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, hình thành các bệnh viện thông minh góp phần thúc đẩy chuyển đổi số ngành Y tế.

Năm 2023, trung bình có 3,8 bác sĩ/vạn dân, 20 giường bệnh/vạn dân, giữ vững 12/12 trạm y tế có bác sĩ và 12/12 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%.

Chú trọng công tác y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Trên địa bàn huyện có 03 cơ sở công bố đủ điều kiện tiêm chủng *(01 cơ sở tuyến huyện và 02 cơ sở tư nhân);* góp phần tăng cường khả năng phòng, chống và ứng phó đối với các loại dịch bệnh và bệnh ở người. Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, không để bùng phát ổ dịch trên diện rộng và không có trường hợp tử vong. Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tiêm vắc xin phòng Covid - 19 đảm bảo đúng quy định và an toàn. Tăng cường kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm ở các cơ sở kinh doanh, kiểm tra công tác hành nghề y dược tư nhân trên địa bàn huyện. Tổ chức thực hiện Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ kịp thời, trong đó, thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các yếu tố dân số vào chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội thuộc ngành, lĩnh vực. Triển khai thực hiện các mô hình nâng cao chất lượng dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em.

1. **Lao động, thương binh và xã hội**

Phối hợp giải quyết việc làm và tăng việc làm mới cho người lao động; phối hợp tổ chức sàn giao dịch việc làm với hơn 400 người lao động tham dự; tư vấn hơn 750 học sinh và người lao động trong Ngày hội tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm năm 2023. Có 502 lao động có việc làm tăng thêm, vượt kế hoạch đề ra *(KH: 500 lao động),* giới thiệu 35 lao động tham gia lao động có thời hạn tại các nước Nhật Bản, Hàn Quốc *(KH: 12 - 15 lao động).* Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63,5%.

Triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ cuối năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 kịp thời, kết quả năm 2023 giảm 169 hộ, đạt 148,2% KH tỉnh giao và 119,86% NQ HĐND giao; tổng số hộ nghèo giảm còn 834 hộ, tỷ lệ 3,2% và tổng số hộ cận nghèo 1.483 hộ, tỷ lệ 5,68%.

Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người có công cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội. Tăng cường công tác quản lý trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn thực hiện.

1. **Văn hóa, thể thao và du lịch**

*Về văn hóa, thể thao:* Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phong phú; đẩy mạnh các phong trào văn nghệ, thể thao quần chúng, thu hút sự tham gia đông đảo của các tầng lớp Nhân dân trong xã hội, góp phần nâng cao thể chất và tinh thần của Nhân dân. Đầu tư chỉnh trang, sửa chữa, nâng cấp các thiết chế văn hóa của huyện và hệ thống đèn led ở khu vực trung tâm huyện. Thực hiện tốt công tác quản lý văn hóa trên địa bàn huyện. Quan tâm công tác bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích văn hóa, lịch sử. Tổ chức kiểm tra hiện trạng và đề nghị Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch hỗ trợ kinh phí sửa chữa di tích lịch sử - văn hóa Đình Lâm Sơn, xã Hành Nhân; thông qua Phương án thiết kế của Dự án trùng tu, tôn tạo di tích Quốc gia Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Trung bộ. Tổ chức đoàn kiểm tra thực tế một số điểm di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn huyện. Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện “Đề án Bảo tồn và phát huy Nghệ thuật Bài chòi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030” của huyện Nghĩa Hành năm 2023. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phát triển mạnh mẽ, lan tỏa rộng trong các tầng lớp Nhân dân, góp phần tích cực trong việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện. Đến cuối năm 2023, toàn huyện có 23.358 hộ gia đình văn hóa, đạt 100,96% KH, 72/74 thôn, tổ dân phố văn hóa.

*Về phát triển du lịch:* Được quan tâm thực hiện; Tổ chức tập huấn, học tập kinh nghiệp phát triển du lịch cộng đồng. Kêu gọi, thu hút đầu tư dự án du lịch trên địa bàn huyện, ... Các địa điểm tham quan, du lịch ngày càng đáp ứng được nhu cầu tham quan, trải nghiệm của du khách. Tổng lượt khách du lịch đến Nghĩa Hành ước đạt khoảng 50.000 lượt khách/năm, tạo việc làm cho khoảng 200 lao động *(trong đó có khoảng 150 lao động trực tiếp và 50 lao động gián tiếp bán thời gian),* doanh thu ước đạt hơn 15 tỷ đồng/năm.

**III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

**3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.**

Quy hoạch sử dụng đất ký trước (2011-2020) đã đánh giá và được UBND tỉnh phê duyệt. Trong kỳ điều chỉnh này chỉ đánh giá kết quả thực hiện từ năm 2021 2023.

Biểu 1: Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất từ năm 2021-2023

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Diện tích QH được duyệt (QĐ 1209/QĐ-UBND ngày 03/11/2023)** | **Kết quả thực hiện** | | |
| **Diện tích (ha)** | **So sánh** | |
| **Tăng (+); Giảm (-)** | **Tỷ lệ (%)** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)-(4) | (7)=(5)/(4)\*100% |
|  | **TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN** |  | **23.448,55** | **23.448,55** | **0,00** |  |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **18.323,88** | **19.582,10** | **1.258,22** | **106,87** |
|  | Trong đó |  |  |  |  |  |
| **1.1** | Đất trồng lúa | LUA | 3.308,18 | 3.526,02 | 217,84 | 106,59 |
| **-** | Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước | LUC | 3.094,61 | 3.369,95 | 275,34 | 108,90 |
| **1.2** | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 2.597,42 | 3.008,67 | 411,25 | 115,83 |
| **1.3** | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 2.719,29 | 2.793,96 | 74,67 | 102,75 |
| **1.4** | Đất rừng phòng hộ | RPH | 1.054,95 | 1.021,96 | -32,99 | 96,87 |
| **1.5** | Đất rừng sản xuất | RSX | 8.466,80 | 9.179,48 | 712,68 | 108,42 |
|  | Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | RSN | 1.804,72 | 1.605,68 | -199,03 | 88,97 |
| **1.6** | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 18,34 | 23,35 | 5,01 | 127,30 |
| **1.7** | Đất nông nghiệp khác | NKH | 234,51 | 28,66 | -205,85 | 12,22 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **5.027,26** | **3.764,77** | **-1.262,49** | **74,89** |
|  | Trong đó |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 222,46 | 57,70 | -164,76 | 25,94 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 2,44 | 1,00 | -1,44 | 40,98 |
| 2.3 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 53,23 | 13,54 | -39,69 | 25,43 |
| 2.4 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 125,24 | 2,62 | -122,62 | 2,09 |
| 2.5 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 36,04 | 17,27 | -18,77 | 47,92 |
| 2.6 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng | SKX | 384,85 | 10,34 | -374,51 | 2,69 |
| 2.7 | Đất hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 1.876,99 | 1.559,47 | -317,52 | 83,08 |
|  | Trong đó: |  |  |  |  |  |
| - | Đất giao thông | DGT | 749,62 | 586,79 | -162,83 | 78,28 |
| - | Đất thuỷ lợi | DTL | 472,34 | 466,86 | -5,48 | 98,84 |
| - | Đất xây dựng cơ sở văn hóa | DVH | 4,15 | 1,35 | -2,80 | 32,60 |
| - | Đất xây dựng cơ sở y tế | DYT | 3,37 | 3,48 | 0,11 | 103,15 |
| - | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | DGD | 33,06 | 34,09 | 1,03 | 103,10 |
| - | Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao | DTT | 38,94 | 25,56 | -13,38 | 65,63 |
| - | Đất công trình năng lượng | DNL | 1,26 | 0,37 | -0,89 | 29,73 |
| - | Đất công trình bưu chính, viễn thông | DBV | 0,52 | 0,55 | 0,03 | 105,14 |
| - | Đất có di tích lịch sử - văn hóa | DDT | 7,16 | 6,06 | -1,10 | 84,70 |
| - | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | 58,08 | 9,70 | -48,38 | 16,71 |
| - | Đất cơ sở tôn giáo | TON | 8,23 | 8,37 | 0,14 | 101,66 |
| - | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa | NTD | 430,86 | 412,43 | -18,43 | 95,72 |
| - | Đất chợ | DCH | 5,10 | 3,87 | -1,23 | 75,81 |
| 2.8 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 10,68 | 9,37 | -1,31 | 87,70 |
| 2.9 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 24,31 | 5,95 | -18,36 | 24,46 |
| 2.10 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 1.218,24 | 1.057,48 | -160,76 | 86,80 |
| 2.11 | Đất ở tại đô thị | ODT | 135,10 | 105,16 | -29,94 | 77,84 |
| 2.12 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 8,58 | 9,49 | 0,91 | 110,64 |
| 2.13 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 4,60 | 5,00 | 0,40 | 108,79 |
| 2.14 | Đất tín ngưỡng | TIN | 5,65 | 5,79 | 0,14 | 102,45 |
| 2.15 | Đất sông, ngòi, kênh rạch, suối | SON | 820,93 | 833,88 | 12,95 | 101,58 |
| 2.16 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 54,47 | 67,03 | 12,56 | 123,06 |
| 2.17 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | 43,45 | 3,68 | -39,77 | 8,46 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **97,41** | **101,68** | **4,27** | **104,39** |

*Nguồn: - Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;*

*- Thống kê đất đai năm 2023 - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nghĩa Hành.*

***b) Đất nông nghiệp***

Diện tích đất nông nghiệp được phê duyệt là 18.323,88 ha, thực hiện đến năm 2023 là 19.582,10 ha, tăng 1.258,22 ha so với chỉ tiêu được phê duyệt. Trong đó:

- Đất trồng lúa: Diện tích năm 2023 là 3.526,02 ha, tăng 217,84 ha so với diện tích được phê duyệt (3.526,02 ha). Nguyên nhân chỉ tiêu đất trồng lúa tăng là do chưa thực hiện xong các công trình lấy từ loại đất này như: Chuyển đất trồng lúa, cây hàng năm sang trồng cây lâu năm (khu vực Đồng Điền, Ruộng Cát thôn Tân Phú) tại xã Hành Tín Tây, Đường cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn, Đường tránh phía Đông (ĐH59C), Khu dân cư ngã ba Trung Mỹ, Khu dân cư Rộc Đình, Khu dân cư Hiệp Phổ Nam,…

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích năm 2023 là 3.008,67 ha, tăng 411,25 ha so với diện tích được phê duyệt (2.597,42 ha). Diện tích cao hơn so với quy hoạch được phê duyệt chủ yếu là do chưa thực hiện một số dự án lấy từ đất trồng cây hàng năm như: Đường cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn, Đường tránh phía Đông (ĐH59c), Hệ thống đường nội thị thị trấn chợ chùa, Đất ở chỉnh trang đô thị theo quy hoạch chi tiết khu trung tâm thị trấn, Khu dân cư Rộc Đình, Kè chống sạt lở Sông Vệ, Kè chống sạt lở sông Hiệp Phổ, Khu dân cư Bàn Thới, Khu dân cư Gò Quýt, Khu dân cư Hóc Chanh,...

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích năm 2023 là 2.793,96 ha, tăng 74,67 ha so với diện tích được phê duyệt (2.719,29 ha). Diện tích cao hơn so với quy hoạch được phê duyệt chủ yếu là do chưa thực hiện xong một số dự án lấy từ đất trồng cây lâu năm như: Trang trại Gò Da, Trang trại Hố Muôn, Trang trại Núi Trụi, Đường huyện ĐH.56C, Đường cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn, Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn An Hòa, Khu du lịch sinh thái Xóm Đèo, Kè chông sạt lở sông vệ đoạn Vạn Xuân 2, Mở rộng nghĩa trang Gò Bành + Gò Huyền, Khu dân cư Trủng Kè,…

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích năm 2023 là 1.021,96 ha, thấp hơn 32,99 ha so với diện tích được phê duyệt (1.054,95 ha). Diện tích giảm là do chưa thực hiện chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất lâm nghiệp theo quy hoạch 3 loại rừng.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích năm 2023 là 9.179,48 ha, tăng 108,42 ha so với diện tích được phê duyệt (8.466,80 ha). Diện tích tăng là do chưa chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất lâm nghiệp theo quy hoạch 3 loại rừng và một số dự án lấy từ đất này chưa thực hiện hoàn thành như: Khu căn cứ hậu phương tại các xã Hành Đức, Hành Minh, Hành Thiện; Hạ tầng và hạng mục phụ trợ khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ; Nghĩa trang huyện Nghĩa Hành; Khu du lịch sinh thái Suối Nước Nóng; Mở rộng tuyến đường Đá Mũ đi Đầm Sen, Nâng cấp tỉnh lộ 624B,…

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích năm 2023 là 23,35 ha, tăng 5,01 ha so với diện tích được phê duyệt (18,34 ha). Diện tích tăng là do một số dự án lấy từ đất này chưa thực hiện hoàn thành như: Đường cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn, Trung tâm Hành chính thị trấn Chợ Chùa, Hệ thống đường nội thị thị trấn chợ chùa, Cụm công nghiệp Hành Đức -Hành Minh, Kè chống sạt lở bờ sông Vệ, …

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích năm 2023 là 28,66 ha, thấp hơn 205,85 ha so với diện tích được phê duyệt (234,51 ha). Diện tích thấp là do chưa thực hiện các công trình như: Trang trại Gò Da; Trang trại Hố Muôn; Trang trại Núi Trụi; Trang trại tổng hợp (Hố Sổ); Trang trại Trũng Đèo Phát triển trang trại khu vực Trường Lệ; Khu trồng trọt, chăn nuôi gò lớ Đồng Miếu; Khu trồng trọt, chăn nuôi vườn đào Tân Phú,…

***c) Đất phi nông nghiệp:*** Diện tích năm 2023 là 3.764,77 ha, thấp hơn 1.262,49 ha so với diện tích được phê duyệt (5.027,26 ha). Trong đó:

- Đất quốc phòng: Diện tích năm 2023 là 57,70 ha, thấp hơn 164,76 ha so với diện tích được phê duyệt (222,46 ha). Diện tích đất quốc phòng giảm là do chưa thực hiện các công trình: Khu căn cứ hậu phương (Các xã Hành Đức, Hành Minh, Hành Thiện); Trường bắn, thao trường huấn luyện huyện Nghĩa Hành; ....

- Đất an ninh: Diện tích năm 2023 là 1,00 ha, thấp hơn 1,44 ha so với diện tích được phê duyệt (2,44 ha). Diện tích đất an ninh giảm là do chưa thực hiện các công trình như: Mở rộng Trụ sở làm việc Công an TT Chợ Chùa; Trụ sở làm viêc Công an xã Hành Đức; Trụ sở làm việc Công an xã Hành Dũng; Trụ sở làm việc Công an xã Hành Minh; Trụ sở làm việc Công an xã Hành Phước; Trụ sở làm việc Công an xã Hành Thiện; Trụ sở làm việc Công an xã Hành Thịnh.

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích năm 2023 là 13,54 ha, thấp hơn 39,69 ha so với diện tích được phê duyệt (53,23 ha). Diện tích đất cụm công nghiệp thấp là do chưa thực hiện các công trình như: Mở rộng cụm công nghiệp Đồng Dinh; Cụm công nghiệp Hành Đức -Hành Minh.

- Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích năm 2023 là 2,62 ha, thấp hơn 122,62 ha so với diện tích được phê duyệt (125,24 ha). Diện tích đất thương mại, dịch vụ thấp là do chưa thực hiện các công trình như: Trung tâm thương mại huyện Nghĩa Hành (Quy hoạch chi tiết đô thị); Cửa hàng xăng dầu Phước Thịnh 2; Khu du lịch sinh thái Xóm Đèo; Cửa hàng xăng dầu Cầu Dài; Khu du lịch sinh thái Suối Nước Nóng; Cửa hàng xăng dầu Hành Nhân; Cửa hàng xăng dầu Hành Phước; Khu du lịch sinh thái kết hợp trang trại Bàu Lác; Cửa hàng xăng dầu Hành Thiện; Cửa hàng xăng dầu Hành Thịnh; Cửa hàng xăng dầu Hành Tín Tây (CT); HTX nông nghiệp Hành Trung; Khu du lịch sinh thái Bàu Hữu,…

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích năm 2023 là 17,27 ha, thấp hơn 18,77 ha so với diện tích được phê duyệt (36,04 ha). Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thấp là do chưa thực hiện các công trình như: Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Hành Đức; Phát triển làng nghề xã Hành Nhân; Dự án sản xuất kính cường lực.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng: Diện tích năm 2023 là 10,34 ha, thấp hơn 374,51 ha so với diện tích được phê duyệt (384,85 ha). Diện tích đất cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng thấp là do chưa thực hiện các công trình như: Mỏ đất đồi làm VLXD hố Hóc Ngày (QĐ 546/QĐ-UBND ngày 9/8/2017 của UBND tỉnh); Mỏ đất đồi làm VLXD Mễ Sơn (QĐ 546/QĐ-UBND ngày 9/8/2017 của UBND tỉnh ); Mỏ đất đồi làm VLXD Núi Ông (QĐ 546/QĐ-UBND ngày 9/8/2017 của UBND tỉnh ); Mỏ đất đồi làm VLXD Vạn Xuân (QĐ 546/QĐ-UBND ngày 9/8/2017 của UBND tỉnh ); Mỏ đá thôn Ngọc Sơn, ….

- Đất phát triển hạ tầng: Diện tích năm 2023 là 1.559,47 ha, thấp hơn 317,52 ha so với diện tích được phê duyệt (1.876,99 ha). Diện tích đất phát triển hạ tầng thấp là do chưa thực hiện các công trình như: Đường huyện ĐH.59C; Kè chống sạt lở sông Phước Giang, đoạn qua thị trấn Chợ Chùa; Trụ sở UB kháng chiến Nam Trung Bộ ; Sửa chửa khẩn cấp cơ sở Trường Huỳnh Thúc Kháng cũ thành Trung tâm văn hóa - Thể thao, huyện Nghĩa Hành; Nhà văn hóa thôn Phú Bình Đông, thị trấn Chợ Chùa; Khu liên hợp thể thao xã Hành Minh; Nhà văn hóa thôn Nghĩa Lâm, xã Hành Nhân; Mở đường thôn Tân Lập; Mở rộng Nhà văn hóa thôn Đồng Vinh, xã Hành Nhân; Mở rộng trạm y tế xã Hành Tín Đông; Mở rộng trường tiểu học xã Hành Tín Tây; Mở rộng trường THCS xã Hành Tín Tây,…

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích năm 2023 là 9,37 ha, thấp hơn 1,31 ha so với diện tích được phê duyệt (10,68 ha). Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng là do chưa thực hiện các nhà sinh hoạt thôn trên trên địa bàn huyện.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích năm 2023 là 5,95 ha, thấp hơn 18,36 ha so với diện tích được phê duyệt (24,31 ha). Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng thấp là do chưa thực hiện các công trình như: Công viên khu trung tâm xã Hành Tín Tây, Công viên văn hóa, giải trí dọc sông Phước Giang. Quy hoạch các khu vui chơi giải trí trong khu ở (theo quy hoạch chi tiết trung tâm thị trấn Chợ Chùa), Khu công viên cây xanh xã Hành Thiện,…

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích năm 2023 là 1.057,48 ha, thấp hơn 160,76 ha so với diện tích được phê duyệt (1.218,24 ha). Diện tích đất ở tại nông thôn thấp là do chưa thực hiện các công trình như: KDC Gò Huyện, thôn Kỳ Thọ Nam 1. KDC đông nam đồng xít (giai đoạn 2); Quy hoạch đất ở xen kẽ, KDC Ngã ba An Tân - Nguyễn Nghĩa, thôn An Tân; KDC Ngã Ba đội thuế - Nguyễn Cảnh, thôn An Phước; KDC Soi dâu thôn Kim Thành; Khu dân cư hai bên đường TL 624; Khu dân cư ngã ba Trung Mỹ; Khu dân cư Đồng Giá Dưới; Khu dân cư Gò 7 - Đồng Trảy; Khu dân cư Gò Vôi; Khu dân cư Tình Phú Nam; Khu dân cư Thổ Du,…

- Đất ở tại đô thị: Diện tích năm 2023 là 105,16 ha, thấp hơn 29,94 ha so với diện tích được phê duyệt (135,10 ha). Diện tích đất ở tại đô thị thấp là do chưa thực hiện các công trình như: Khu dân cư Chợ Chùa - Hành Minh (tổng dự án); Khu dân cư Chợ Chùa - Hành Thuận (tổng dự án); Khu dân cư Phía Đông Đường Tránh Đông- Bắc Cầu Kênh,…

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích năm 2023 là 9,49 ha, cao hơn 0,91 ha so với diện tích được phê duyệt (8,58 ha). Diện tích đất ở tại đô thị cao là do chưa thực hiện xử lý một số công trình trụ sở dôi dư sang đấu giá quyền sử dụng đất.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích năm 2023 là 5,0 ha, cao hơn 0,40 ha so với diện tích được phê duyệt (4,60 ha). Diện tích cao hơn do chưa thực hiện các công trình lấy từ loại đất này như: Nhà văn hóa xã Hành Đức; Nhà SHCĐ Kỳ Thọ Bắc; Hệ thống đường nội thị thị trấn chợ chùa; Đất ở chỉnh trang đô thị theo quy hoạch chi tiết khu trung tâm TT,…

- Đất tín ngưỡng: Diện tích năm 2023 là 5,65 ha, cao hơn 0,14 ha so với diện tích được phê duyệt (5,79 ha). Diện tích đất tín ngưỡng cao hơn do chưa thực hiện các công trình lấy từ loại đất này như: Đường cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn; Hệ thống đường nội thị thị trấn chợ chùa.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích năm 2023 là 833,88 ha, cao hơn 12,95 ha so với diện tích được phê duyệt (820,93 ha). Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối cao hơn là do chưa thực hiện các công trình lấy từ loại đất này như: Đường cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn; Kè chống sạt ở sông Phước Giang; Kè bảo vệ bờ Bắc sông Vệ đoạn hạ lưu cầu Sông Vệ (QL1A) và đoạn cầu đường sắt tỉnh Quảng Ngãi; Kè chông sạt lở sông vệ đoạn Vạn Xuân 2,…

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích năm 2023 là 67,03 ha, cao hơn 12,56 ha so với diện tích được phê duyệt (54,47 ha). Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng thực hiện cao hơn do chưa thực hiện các công trình lấy từ loại đất này như: Di dân, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư và tạo hành hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành; Dự án sản xuất kính cường lực; Khu dân cư Đồng Trảy (Khu TDC); Khu du lịch sinh thái Bàu Hữu; Khép kín khu dân cư đường DH47 Hiệp Phố Bắc,…

- Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích năm 2023 là 3,68 ha, thấp hơn 39,77 ha so với diện tích được phê duyệt (43,55 ha). Diện tích đất phi nông nghiệp khác thực hiện thấp hơn do chưa thực hiện công trình đất dự phòng phát triển hạ tầng trong các dự án khu dân cư theo quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết của huyện.

***d) Đất chưa sử dụng*:** Diện tích năm 2023 là 101,68 ha, thấp hơn 4,27 ha

so với diện tích được phê duyệt (43,45 ha).

# 

# Phần II

# PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

# ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN NGHĨA HÀNH

# PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1.1.Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi).*

Bảng 2: Chỉ tiêu sử dụng đất cấp Tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện

*Đơn vị tính: ha*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo Quyết định 326/QĐ-TTg** | **Diện tích quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg** |
|  |
| **I** | **Loại đất** |  |  |  |  |
| ***1*** | ***Đất nông nghiệp*** | ***NNP*** | ***18.999,71*** | ***18.096,00*** |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 3.347,86 | 3.210,32 |  |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | *3.275,02* | *3.075,94* |  |
| 1.2 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 2.800,79 | 2.661,83 |  |
| 1.3 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 1.021,96 | 1.021,96 |  |
| 1.4 | Đất rừng đặc dụng | RDD |  |  |  |
| 1.5 | Đất rừng sản xuất | RSX | 8.968,79 | 8.470,80 |  |
|  | *Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên* | *RSN* | *1.325,68* | *1.325,68* |  |
| ***2*** | ***Đất phi nông nghiệp*** | ***PNN*** | ***4.392,50*** | ***5.275,48*** |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 137,53 | 222,46 |  |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 4,98 | 10,60 |  |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK |  |  |  |
| 2.4 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 100,00 | 100,00 |  |
| 2.5 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 18,65 | 125,91 |  |
| 2.6 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 29,55 | 36,27 |  |
| 2.7 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS |  |  |  |
| 2.8 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh | DHT | 1.918,01 | 2.018,85 |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |
| - | Đất giao thông | DGT | 909,72 | 897,86 |  |
| - | Đất thủy lợi | DTL | 438,35 | 473,30 |  |
| - | Đất xây dựng cơ sở văn hóa | DVH | 7,69 | 9,13 |  |
| - | Đất xây dựng cơ sở y tế | DYT | 4,21 | 4,20 |  |
| - | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | DGD | 32,40 | 34,06 |  |
| - | Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao | DTT | 25,71 | 38,94 |  |
| - | Đất công trình năng lượng | DNL | 1,42 | 1,56 |  |
| - | Đất công trình bưu chính, viễn thông | DBV | 1,53 | 1,53 |  |
| - | Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia | DKG |  |  |  |
| - | Đất cơ sở tôn giáo | TON | 8,07 | 8,48 |  |
| - | Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | NTD | 413,44 | 423,23 |  |
| - | Đất có di tích lịch sử - văn hóa | DDT | 7,09 | 7,16 |  |
| - | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | 62,71 | 113,72 |  |
| 2.9 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL |  |  |  |
| 2.10 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 1.113,09 | 1.291,92 |  |
| 2.11 | Đất ở tại đô thị | ODT | 117,55 | 133,76 |  |
| 2.12 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 9,56 | 9,76 |  |
| 2.13 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 4,61 | 4,65 |  |
| 2.14 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG |  |  |  |
| ***3*** | ***Đất chưa sử dụng*** | ***CSD*** | ***56,34*** | ***77,07*** |  |
| **II** | **Khu chức năng** |  |  |  |  |
| ***1*** | ***Đất khu công nghệ cao*** | ***KCN*** |  |  |  |
| ***2*** | ***Đất khu kinh tế*** | ***KKT*** |  |  |  |
| ***3*** | ***Đất đô thị*** | ***KDT*** | ***753,47*** | ***753,47*** |  |
| ***4*** | ***Khu sản xuất nông nghiệp*** | ***KNN*** | ***6.075,81*** | ***5.737,77*** |  |
| ***5*** | ***Khu lâm nghiệp*** | ***KLN*** | ***9.990,75*** | ***9.492,76*** |  |
| ***6*** | ***Khu du lịch*** | ***KDL*** | ***217,30*** | ***217,30*** |  |
| ***7*** | ***Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học*** | ***KBT*** |  |  |  |
| ***8*** | ***Khu phát triển công nghiệp*** | ***KPC*** | ***100,00*** | ***100,00*** |  |
| ***9*** | ***Khu đô thị*** | ***DTC*** | ***405,14*** | ***405,14*** |  |
| ***10*** | ***Khu thương mại - dịch vụ*** | ***KTM*** | ***150,00*** | ***150,00*** |  |
| ***11*** | ***Khu dân cư nông thôn*** | ***DNT*** | ***3.620,04*** | ***3.620,04*** |  |

# 1.2 Tổng hợp cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Căn cứ chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ của cấp trên cho huyện và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn, chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn huyện Nghĩa Hành như sau:

Biểu 3: Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2023- 2030

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Hiện trạng năm 2023** | **Diện tích quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg** | **Cấp huyện xác định, xác định bổ sung** | **Diện tích Điều chỉnh đến năm 2030** | **Tăng (+), giảm (-) so với hiện trạng 2023** |
|  |
| ***(1)*** | ***(2)*** | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** | ***(6)*** | ***(7)=(5)+(6)*** | ***(8)=(7)-(4)*** |  |
| **I** | **Loại đất** |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **19.582,10** | **18.096,00** | **-12,61** | **18.083,39** | **-1.498,71** |  |
|  | *Trong đó* |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | **3.526,02** | 3.210,32 | 0,00 | 3.210,32 | -315,70 |  |
| - | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | LUC | 3.369,95 | 3.075,94 | 0,00 | 3.075,94 | -294,01 |  |
| 1,2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 3008,67 |  | 2.481,78 | 2.481,78 | -526,89 |  |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 2.793,96 | 2.661,83 | -57,88 | 2.603,95 | -190,01 |  |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 1.021,96 | 1.021,96 | 0,00 | 1.021,96 | 0,00 |  |
| 1.5 | Đất rừng sản xuất | RSX | 9.179,48 | 8.470,80 | -24,21 | 8.446,59 | -732,89 |  |
|  | *Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên* | RSN | 1.605,68 | 1.325,68 | 0,00 | 1.325,68 | -280,00 |  |
| 1.6 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 23,35 |  | 22,76 | 22,76 | -0,59 |  |
| 1.7 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 28,66 |  | 296,03 | 296,03 | 267,37 |  |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **3.764,77** | **5.275,48** | **12,62** | **5.288,10** | **1.523,33** |  |
|  | *Trong đó* |  |  |  | 0,00 |  | 0,00 |  |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 57,70 | 222,46 | 0,66 | 223,12 | 165,42 |  |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 1,00 | 10,60 | -8,13 | 2,47 | 1,47 |  |
| 2.3 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 13,54 | 100,00 | 0,00 | 100,00 | 86,46 |  |
| 2.4 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 2,62 | 125,91 | 0,00 | 125,91 | 123,29 |  |
| 2.5 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 17,27 | 36,27 | 0,00 | 36,27 | 19,00 |  |
| 2.6 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng | SKX | 10,34 |  | 270,85 | 270,85 | 260,51 |  |
| 2.7 | Đất hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 1.559,47 | 2.018,85 | 177,81 | 2.196,66 | 637,19 |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |  |
| *-* | *Đất giao thông* | *DGT* | *586,79* | *897,86* | 0,00 | 897,86 | 311,07 |  |
| *-* | *Đất thuỷ lợi* | *DTL* | *466,86* | *473,30* | 224,29 | 697,59 | 230,73 |  |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở văn hóa* | *DVH* | *1,35* | *9,13* | 0,00 | 9,13 | 7,78 |  |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở y tế* | *DYT* | *3,48* | *4,20* | -0,46 | 3,74 | 0,26 |  |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo* | *DGD* | *34,09* | *34,06* | 1,35 | 35,41 | 1,32 |  |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao* | *DTT* | *25,56* | *38,94* | 0,00 | 38,94 | 13,38 |  |
| *-* | *Đất công trình năng lượng* | *DNL* | *0,37* | *1,56* | 0,00 | 1,56 | 1,19 |  |
| *-* | *Đất công trình bưu chính, viễn thông* | *DBV* | *0,55* | *1,53* | -0,93 | 0,60 | 0,05 |  |
| *-* | *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* | *DDT* | *6,07* | *7,16* | 0,00 | 7,16 | 1,09 |  |
| *-* | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *DRA* | *9,70* | *113,72* | -53,52 | 60,20 | 50,50 |  |
| *-* | *Đất cơ sở tôn giáo* | *TON* | *8,37* | *8,48* | -0,26 | 8,22 | -0,15 |  |
| *-* | *Đất làm nghĩa trang* | *NTD* | *412,43* | *423,23* | 5,55 | 428,78 | 16,35 |  |
| *-* | *Đất chợ* | *DCH* | *3,87* |  | 7,48 | 7,48 | 3,61 |  |
| 2.8 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 9,37 |  | 7,40 | 7,40 | -1,97 |  |
| 2.9 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 5,95 |  | 15,65 | 15,65 | 9,70 |  |
| 2.10 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 1.057,47 | 1.291,92 | 0,00 | 1.291,92 | 234,45 |  |
| 2.11 | Đất ở tại đô thị | ODT | 105,16 | 133,76 | 0,00 | 133,76 | 28,60 |  |
| 2.12 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 9,49 | 9,76 | 0,00 | 9,76 | 0,27 |  |
| 2.13 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 5,00 | 4,65 | -0,39 | 4,26 | -0,74 |  |
| 2.14 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 5,79 |  | 5,65 | 5,65 | -0,14 |  |
| 2.15 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 833,88 |  | 811,24 | 811,24 | -22,64 |  |
| 2.16 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 67,03 |  | 43,37 | 43,37 | -23,66 |  |
| 2.17 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | 3,68 |  | 9,80 | 9,80 | 6,12 |  |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **101,68** | **77,07** | **0,00** | **77,07** | **-24,61** |  |

**\* Diện tích đất tự nhiên toàn huyện:** Đến năm 2030 diện tích tự nhiên toàn huyện là 23.448,55 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

## 1.2.1. Đất nông nghiệp

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là:18.096,00 ha.

- Diện tích huyện xác định 18.083,39 ha, thấp hơn 12,61 ha so với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh, chi tiết đối với từng loại đất như sau:

***a) Đất trồng lúa***

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 3.210,32 ha, diện tích cấp huyện xác định bằng so với phân bổ của tỉnh.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 3.210,32 ha, giảm 315,70 ha so với hiện trạng năm 2023, trong đó:

+ Diện tích giảm 326,03 ha do chuyển sang đất cây lâu năm 27,07 ha *(phát triển cây ăn quả theo đề án của huyện tại các xã Hành Minh, Hành Dũng, Hành Tín Tây…);* đất nông nghiệp khác 19,07 ha *(Hành Thuận, Hành Đức, Hành Nhân, Hành Minh, Hành Phước)*; Đất phi nông nghiệp 279,89 ha, gồm đất an ninh 0,39 ha *(xây dựng nhà làm việc công an các xã Hành Trung, Hành Thịnh, Hành Tín Tây)*; đất cụm công nghiệp 15,97 ha *(Mở rộng cụm công nghiệp Đồng Dinh và cụm công nghiệp Hành Đức - Hành Minh)* đất thương mại, dịch vụ 6,26 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,53 ha; đất phát triển hạ tầng 127,55 ha *(đất giao thông 88,67 ha; đất thủy lợi 20,74 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 3,28 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 3,96 ha; đất y tế 0,03 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 3,41 ha; đất công trình năng lượng 0,33 ha; đất có di tích lịch sử - văn hóa 0,36 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 4,99 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 1,69 ha, đất chợ 0,09 ha)*; đất khu vui chơi giải trí công cộng 1,54 ha; đất ở tại nông thôn 90,80 ha *(chủ yếu các khu tái định cư, quy hoạch khu dân cư mới và khép kín khu dân cư)*; đất ở tại đô thị 33,93 ha (*đất ở đô thị chỉnh trang theo quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Chợ Chùa, Khu dân cư Chợ Chùa – Hành Thuận, Chợ Chùa – Hành Minh,…)*, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,98 ha *(Trung tâm Hành chính thị trấn Chợ Chùa, Trung tâm hành chính xã Hành Tín Tây)*; đất phi nông nghiệp khác 0,93 ha *(đất dự phòng phát triển tại TT Chợ Chùa).*

+ Diện tích tăng 10,33 ha được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang tại xã Hành Dũng *(khu vực đất trồng lúa đồng Giá Reo, thôn An Phước, xã Hành Dũng).*

***Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước***

Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 3.075,94 ha, huyện xác định bằng so với phân bổ của tỉnh.

***b) Đất trồng cây hàng năm khác:***

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 2.481,78 ha, giảm 526,89 ha so với năm 2023, biến động trong thời kỳ quy hoạch như sau.

+ Diện tích giảm 529,43 ha do chuyển sang các loại đất: đất trồng lúa 10,33 ha; đất trồng cây lâu năm 150,54 ha *(thực hiện đề án phát triển cây ăn quả)*; đất nông nghiệp khác 93,06 ha *(phát triển kinh tế trang trại tại các xã Hành Thuận, Hành Đức, Hành Nhân, Hành Thiện, Hành Thịnh,…)*; đất quốc phòng 0,98 ha; đất an ninh 0,40 ha; đất thương mại, dịch vụ 3,48 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,66 ha; đất phát triển hạ tầng 134,31 ha *(đất giao thông 93,26 ha; đất thủy lợi 17,64 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,24 ha;* *đất xây dựng cơ sở văn hóa 1,64 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1,04 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 6,10 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 10,14 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 1,43 ha; đất chợ 0,91 ha)*; đất khu vui chơi, giải trí công cộng 5,20 ha; đất ở tại nông thôn 109,33 ha; đất tại ở đô thị 18,40 ha; đất trụ sở cơ quan 0,47 ha; đất phi nông nghiệp khác 1,27 ha *(đất dự phòng phát triển tại thị trấn Chợ Chùa, Hành Đức, Hành Phước)*.

+ Diện tích tăng 2,54 ha được lấy từ đất chưa sử dụng, khai hoang đưa vào sử dụng diện tích đất bỏ hoang ở một số khu vực thuộc xã Hành Tín Đông, Hành Thiện…

***c) Đất trồng cây lâu năm***

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 2.661,83 ha, cấp huyện xác định giảm 57,88 ha. Nguyên nhân giảm là do huyện xác định bổ sung công trình *Hồ Thượng Sông Vệ, đập Hạ lưu Sông Vệ* lấy từ đất trồng cây lâu năm.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 2.603,95 ha, giảm 190,01 ha so với năm 2023. Trong đó, biến động trong thời kỳ quy hoạch như sau.

- Diện tích giảm 369,27 ha, do chuyển sang các loại đất: Đất nghiệp khác 99,46 ha *(phát triển kinh tế trang trại)*; đất quốc phòng 0,02 ha; đất cụm công nghiệp 7,28 ha *(cụm công nghiệp Hành Đức – Hành Minh)*; đất thương mại – dịch vụ 2,07 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 13,77 ha *(làng nghề tiểu thủ công nghiệp Hành Nhân)*; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 11,12 ha; đất phát triển hạ tầng 181,55 ha *(đất giao thông 57,99 ha; đất thủy lợi 85,03 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,24 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,42 ha, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,10 ha; đất có di tích lịch sử - văn hóa 0,73 ha; đất công trình bưu chính, viễn thông 0,02 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 17,40 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 19,39 ha)*; đất khu vụi chơi giải trí công cộng 0,26 ha; đất trụ sở cơ quan 0,05 ha; đất ở tại nông thôn 53,25 ha; đất ở tại đô thị 0,44 ha.

- Diện tích tăng 179,26 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất lúa 28,12 ha; đất trồng cây hàng năm khác 150,54 ha; đất rừng sản xuất 0,03 ha và đất chưa sử dụng 1,26 ha do thực hiện đề án phát triển cây ăn quả tại địa bàn các xã Hành Dũng, Hành Thịnh, Hành Minh, Hành Tín Đông,…

***d) Đất rừng phòng hộ***

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 1.021,96 ha, cấp huyện không xác định bổ sung.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 1.021,96 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

***e) Đất rừng sản xuất***

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 8.470,80 ha, cấp huyện xác định thấp hơn 24,21 ha so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ. Nguyên nhân giảm là do huyện xác định bổ sung công trình *Hồ Thượng Sông Vệ, đập Hạ lưu Sông Vệ* lấy từ đất rừng sản xuất.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 8.446,59 ha, giảm 732,89 ha so với năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,03 ha; nông nghiệp khác 52,23 ha*;* đất quốc phòng 164,65 ha; đất cụm công nghiệp 51,40 ha *(cụm công nghiệp Hành Minh – Hành Đức)*; đất thương mại, dịch vụ 73,16 ha *(khu du lịch Xóm Đèo – Hành Dũng và suối Nước Nóng – Hành Nhân)*; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 236,49 ha *(theo quy hoạch thăm dò khai thác vật liệu xây dựng của tỉnh và dự kiến mỏ đất làm vật liệu phục vụ xây dựng đường cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn)*; đất phát triển hạ tầng 154,93 ha *(đất giao thông 23,21 ha; đất thủy lợi 97,87 ha (đập Hố Sổ và Hồ Thượng Sông Vệ, đập Hạ lưu Sông Vệ); đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,05 ha; đất năng lượng 0,25 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 12,75 ha, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 20,80 ha (Nghĩa trang nhân dân huyện và Nghĩa trang nhân dân Gò Mít trên, xã Hành Phước).*

***f) Đất nuôi trồng thủy sản***

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 22,76 ha, giảm 0,59 ha so với năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,07 ha; đất trụ sở cơ quan 0,03 ha; đất phát triển hạ tầng *(đất giao thông 0,09 ha; đất thủy lợi 0,31 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 0,03 ha);* đất ở nông thôn 0,06 ha.

***g) Đất nông nghiệp khác***

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 296,03 ha,biến động trong kỳ quy hoạch như sau:

+ Diện tích giảm 1,22 ha, do chuyển sang đất giao thông 1,20 ha và đất thủy lợi 0,02 ha.

+ Diện tích tăng 268,59 ha được lấy từ đất trồng lúa 19,07 ha; đất trồng cây hàng năm 93,06 ha; đất trồng cây lâu năm 99,46 ha; đất rừng sản xuất 52,23 ha; đất giao thông 1,0 ha; đất thuỷ lợi 0,06 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 0,17 ha; đất chưa sử dụng 2,41 ha để phát triển trang trại cây ăn quả, đầu tư chăn nuôi tập trung tại các xã Hành Dũng, Hành Thuận, Hành Nhân, Hành Tín Tây, Hành Đức, Hành Thiện; Hành Phước,…

## 1.2.2. Đất phi nông nghiệp

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 5.275,48 ha, cấp huyện xác định bổ sung cao hơn 12,62 ha.

Cụ thể đối với từng loại đất như sau:

***a) Đất quốc phòng***

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 222,46 ha. Diện tích cấp huyện xác định cao hơn 0,66 ha, Nguyên nhân: hoàn trả lại diện tích đất CQP đã thu hồi của dự án Hồ chứa nước Hố Sổ tại xã Hành Đức.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 223,12 ha, tăng 165,42 ha so với 2023 được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất trồng cây hàng năm khác 0,98 ha; đất trồng cây lâu năm 0,02 ha; đất rừng sản xuất 164,65 ha, đất giao thông 0,01 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình như Khu căn cứ hậu phương tại các xã Hành Đức, Hành Minh, Hành Thiện; Thao trường bắn quân đội huyện Nghĩa Hành xã Hành Đức; Trường bắn ban chỉ huy quân sự huyện Nghĩa Hành xã Hành Thịnh,…

***b) Đất an ninh***

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 10,60 ha, diện tích cấp huyện xác định thấp hơn 8,13 ha so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ. Nguyên nhân giảm là do trong kỳ điều chỉnh quy hoạch trên địa bàn huyện chỉ xác định các Trụ sở làm việc Công an của 12 xã, thị trấn với diện tích 1,49 ha. Trong khi đó chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ tăng 9,60 ha so với hiện trạng năm 2023.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 2,47 ha, tăng 1,47 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích giảm 0,02 ha do chuyển sang đất ở tại đô thị để thực hiện việc chỉnh trang đô thị thị trấn Chợ Chùa theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500.

+ Diện tích tăng 1,49 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất lúa 0,39 ha, đất trồng cây hàng năm 0,40 ha; đất giao thông 0,01 ha; đất thuỷ lợi 0,01 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,24 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,44 ha.

***c) Đất cụm công nghiệp***

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 100,0 ha, cấp huyện xác định bằng so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 100,0 ha, tăng 86,46 ha so với năm 2023. Diện tích tăng được lấy từ đất lúa 15,97 ha; đất trồng cây hang năm 2,22 ha; đất trồng cây lâu năm 7,28 ha; đất rừng sản xuất 51,40 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,07 ha; đất giao thông 4,27 ha; đất thủy lợi 2,56 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 2,35 ha; đất ở nông thôn 0,28 ha; đất chưa sử dụng 0,06 ha *(mở rộng cụm công nghiệp Đồng Dinh 16,46 ha; quy hoạch cụm công nghiệp Hành Đức - Hành Minh 70,0 ha)*.

***d) Đất thương mại, dịch vụ***

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 125,91 ha, cấp huyện xác định bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 125,91 ha, tăng 123,29 ha so với hiện trạng năm 2023, trong đó:

+ Diện tích giảm 0,02 ha do chuyển sang đất giao thông theo quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Chợ Chùa tỷ lệ 1/500.

+ Diện tích tăng 123,31 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất trồng lúa 6,26 ha, đất trồng cây hàng năm 3,48 ha; đất trồng cây lâu năm 2,07 ha; đất rừng sản xuất 73,16 ha; đất giao thông 1,88 ha; đất thuỷ lợi 7,03 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 0,66 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,03 ha; đất ở tại nông thôn 1,10 ha; đất ở tại đô thị 5,51 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,19 ha, đất xậy dựng tổ chức sự nghiệp 0,20 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 21,06 ha; đất chưa sử dụng 0,68 ha. Diện tích đất thương mại, dịch vụ tăng thêm do quy hoạch các công trình, dự án gồm: Trung tâm thương mại huyện Nghĩa Hành – TT Chợ Chùa; Khu du lịch sinh thái xóm Đèo tại xã Hành Dũng; khu du lịch sinh thái suối nước Nóng tại xã Hành Nhân; điểm du lịch kết hợp trang trại tại Bàu Lác tại xã Hành Phước; Khu thương mại dịch vụ Hố Cua xã Hành Thiện; Khu du lịch sinh thái Đồng La Băng xã Hành Thịnh; điểm du lịch sinh thái Bàu Hữu, xã Hành Trung, một số cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại địa bàn một số xã,…

***e) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp***

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 36,27 ha, cấp huyện xác định bằng so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 36,27 ha, tăng 19,0 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích giảm 1,66 ha do chuyển sang đất thủy lợi 0,01 ha *(Kè chống sạt lở bờ Nam sông Vệ, xã Hành Tín Đông)*; đất y tế 0,11 ha; đất khu vui chơi giải trí 0,07 ha; đất ở nông thôn 1,04 ha *(thu hồi xưởng sản xuất sữa đậu nành Vinasoy chuyển sang đất ở, xã Hành Thiện)*, phi nông nghiệp khác 0,40 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,03 ha;

+ Diện tích tăng 20,66 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất trồng lúa 1,53 ha, đất trồng cây hàng năm 1,66 ha; đất trồng cây lâu năm 13,77 ha; đất thủy lợi 0,54 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 0,01 ha; đất ở tại nông thôn 2,49 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,02 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,01 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,63 ha. Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng lên để thực hiện các công trình, dự án: Cơ sở sản xuất kính cường lực tại xã Hành Thuận, Phát triển làng nghề tại xã Hành Nhân, Cơ sở chế biến Nông Sản thôn An Chỉ Tây, xã Hành Phước,…

***f) Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm***

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 270,85 ha, tăng 260,51 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích giảm 0,84 ha do chuyển sang đất thuỷ lợi (Hồ Thượng Sông Vệ, đập Hạ lưu Sông Vệ);

- Diện tích tăng 261,35 được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất đất trồng cây lâu năm 11,12 ha; đất rừng sản xuất 236,49 ha, đất giao thông 0,03 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 11,40 ha và đất chưa sử dụng 2,31 ha. Diện tích tăng do thực hiện quy hoạch đất khai thác vật liệu xây dựng theo quy hoạch vật liệu xây dựng thông thường của tỉnh, quy hoạch đất vật liệu xây dựng phục vụ dự án cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn.

***g) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã***

* Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 2.018,85 ha. Diện tích cấp huyện xác định bổ sung tăng 177,81 ha so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ. Nguyên nhân tăng là do cấp huyện xác bổ sung công trình Hồ Thượng Sông Vệ, đập Hạ lưu Sông Vệ thuộc các xã Hành Thiện, xã Hành Thịnh, xã Hành Tín Đông, xã Hành Tín Tây.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 2.196,66 ha, tăng 637,19 ha so với năm 2023. **Cụ thể các loại đất như sau:**

**\*.** **Đất giao thông**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 897,86 ha. Diện tích cấp huyện xác định bằng so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 897,86 ha, tăng 311,07 ha so với năm 2023; trong đó:

+ Diện tích giảm 20,17 ha do chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,04 ha; đất nông nghiệp khác 1,0 ha; đất quốc phòng 0,01 ha; đất an ninh 0,01 ha; đất cụm công nghiệp 4,27 ha; đất thương mại, dịch vụ 1,88 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 0,03 ha; đất thủy lợi 6,82 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,04 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,02 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,09 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 1,26 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 0,61 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,73 ha; đất ở tại nông thôn 2,45 ha; đất ở tại đô thị 0,56 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,02 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,24 ha.

+ Diện tích tăng 331,24 ha được lấy từ các loại đất khác chuyển sang: đất trồng lúa 122,63 ha, đất trồng cây hàng năm 112,13 ha; đất trồng cây lâu năm 28,21 ha; đất rừng sản xuất 3,21 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,09 ha; đất nông nghiệp khác 1,20 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,02 ha; đất thủy lợi 7,63 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,04 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,62 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,20 ha; đất năn lượng 0,01 ha; đất công trình bưu chính, viễn thông 0,03 ha; đất cơ sở tôn giáo 0,15 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 6,85 ha; đất chợ 0,01 ha; đất ở tại nông thôn 20,87 ha; đất ở tại đô thị 20,91 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,46 ha; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,03 ha; đất tín ngưỡng 0,14 ha; đất sông, suối 3,78 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 1,33 ha, đất phi nông nghiệp khác 0,01 ha; đất chưa sử dụng 0,83 ha.

Một số công trình, dự án đất giao thông đưa vào thực hiện trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 như: Đường cao tốc Quảng Ngãi -Hoài Nhơn; Đường tránh Đông thị trấn Chợ Chùa - GĐ2; Đường tránh phía Tây thị trấn Chợ Chùa; Bến xe trung tâm huyện Nghĩa Hành; Nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ ĐT.624B; đường huyện 56C; các tuyến đường quy hoạch trong khu dân cư Chợ chùa - Hành Minh; Chợ chùa - Hành Thuận,…

**\*. Đất thủy lợi**

* Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 473,30 ha. Diện tích cấp huyện xác định bổ sung cao hơn 224,29 ha so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ. Nguyên nhân tăng là do cấp huyện xác bổ sung công trình Hồ Thượng Sông Vệ, đập Hạ lưu Sông Vệ thuộc các xã Hành Thiện, xã Hành Thịnh, xã Hành Tín Đông, xã Hành Tín Tây.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 697,59 ha, tăng 230,73 ha so với năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích giảm 26,70 ha do chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,26 ha; đất an ninh 0,01 ha; đất cụm công nghiệp 2,56 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,54 ha; đất giao thông 7,78 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,06 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,02 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,04 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 0,60 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 0,04 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,05 ha; đất ở tại nông thôn 6,25 ha; đất ở tại đô thị 1,27 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,07 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,05 ha.

+ Diện tích tăng 257,43 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất trồng lúa 20,74 ha, đất trồng cây hàng năm 17,64 ha; đất trồng cây lâu năm 85,03 ha; đất rừng sản xuất 97,87 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,31 ha; đất nông nghiệp khác 0,02 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,01 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 0,84 ha; đất giao thông 6,82 ha; đất năng lượng 0,02 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 7,11 ha; đất ở tại nông thôn 6,02 ha; đất ở tại đô thị 1,18 ha; đất sông, ngòi 6,94 ha; đất có mặt nước chuyên dung 0,04 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,05 ha; đất chưa sử dụng 6,53 ha.

Một số công trình, dự án đất thủy lợi đưa vào thực hiện trong kỳ quy hoạch như: Hệ thống kè chống sạt lở sông Vệ *(các xã Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Phước);* Kè chống sạt lở sông Phước Giang *(TT Chợ Chùa, các xã Hành Minh, Hành Dũng);* Đập Hố Sổ *(xã Hành Đức),* Hồ Suối Đá (*xã Hành Tín Tây),* *Hồ Thượng Sông Vệ, đập Hạ lưu Sông Vệ tại các xã Hành Thiện, xã Hành Thịnh, xã Hành Tín Đông, xã Hành Tín Tây,…*

**\* Đất xây dựng cơ sở văn hoá**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 9,13 ha. Diện tích cấp huyện xác định bằng so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 9,13 ha, tăng 7,78 ha so với hiện trạng năm 2023; trong đó:

+ Diện tích giảm 0,31 ha do chuyển sang đất an ninh 0,24 ha để xây dựng trụ sở làm việc công an xã Hành Dũng và đất ở nông thôn 0,04 ha tại xã Hành Nhân (chuyển điểm nhà văn hoá thôn Nghĩa Lâm cũ, không còn sử dụng*)* và 0,03 ha đất giao thông.

+ Diện tích tăng 8,09 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất trồng lúa 3,28 ha, đất trồng cây hàng năm 1,64 ha; đất trồng cây lâu năm 0,24 ha; đất rừng sản xuất 0,05 ha; đất giao thông 0,04 ha; đất thủy lợi 0,06 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,88 ha; đất cơ sở thể dục, thể thao 0,27 ha; đất khu vui chơi giải trí 0,03 ha; đất ở nông thôn 0,05 ha; đất ở đô thị 0,62 ha, đất trụ sở cơ quan 0,09 ha; đất xây dựng của tổ chức sự nghiệp 0,21 ha. Diện tích tăng để mở rộng và mở mới các nhà văn hoá xã, thị trấn, nhà văn hoá thôn đạt chuẩn nông thôn mới và xây dựng Bia tưởng niệm liệt sỹ tiểu đoàn bộ binh 83 tại Hố Kala, Mở rộng Khu vực bảo vệ 2 Việt Lào, xã Hành Phước,..*.*

**\* Đất xây dựng cơ sở y tế**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 4,20 ha. Diện tích cấp huyện xác định thấp hơn 0,46 ha so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ. Nguyên nhân thấp hơn là do trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch trên địa bàn huyện chỉ đăng ký thực hiện 03 công trình: Mở rộng trạm y tế xã Hành Thiện 0,06 ha, Trạm y tế xã Hành Đức 0,11 ha và Trạm y tế xã Hành Tín Đông 0,21 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 3,74 ha, tăng 0,26 ha so với hiện trạng năm 2023; trong đó:

+ Diện tích giảm 0,12 ha do chuyển sang đất giao thông 0,04 ha và đất ở tại đô thị 0,08 ha, thực hiện theo quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Chợ Chùa tỷ lệ 1/500.

+ Diện tích tăng 0,38 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất trồng lúa 0,03 ha; đất trồng cây hàng năm 0,24 ha; đất cơ sở sản xuất kinh doanh 0,11 ha.

**\* Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 34,06 ha. Diện tích cấp huyện xác định bổ sung cao hơn 1,35 ha so với chỉ tiêu tỉnh phân bổ. Nguyên nhân xác định cao hơn là do chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ giảm 0,03 ha so với hiện trạng năm 2023, trong khi đó trong kỳ điều chỉnh này, trên địa bàn huyện cần quy hoạch mở mới và mở rộng một số trường để đạt chuẩn nông thôn mới, đồng thời đáp ứng đủ nhu cầu của địa phương.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 35,41 ha, tăng 1,32 ha so với hiện trạng năm 2023; trong đó:

+ Diện tích giảm 4,60 ha do thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Chợ Chùa tỷ lệ 1/500 và chuyển một số công trình cơ sở giáo dục không còn sử dụng sang mục đích khác. Trong đó: chuyển sang đất giao thông 0,62 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,88 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,88 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,19 ha; đất ở tại nông thôn 1,58 ha; đất ở tại đô thị 0,45 ha.

+ Diện tích tăng 5,92 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất trồng lúa 3,96 ha, đất trồng cây hàng năm 1,04 ha; đất trồng cây lâu năm 0,42 ha; đất giao thông 0,02 ha; đất thủy lợi 0,02 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,10 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 0,27 ha; đất ở đô thị 0,02 ha; đất chưa sử dụng 0,07 ha.

Một số công trình đất giáo dục thực hiện trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch như: Trung tâm Ngoại ngữ và đào tạo kỹ năng huyện Nghĩa Hành (TT chợ chùa); quy hoạch trường mầm non Chợ Chùa; mở rộng trường mầm non các xã Hành Trung, Hành Dũng, Hành Tín Tây; mở rộng trưởng THCS Hành Minh; mở rộng trường tiểu học xã Hành Thiện, mở rộng trường tiểu học và trường THCS tại xã Hành Tín Tây,…

**\* Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 38,94 ha. Diện tích cấp huyện xác định bằng so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 38,94 ha, tăng 13,38 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích giảm 1,96 ha do chuyển sang đất giao thông 0,20 ha; đất chợ 1,10 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,10 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,27 ha; đất ở tại đô thị 0,19 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,10 ha.

+ Diện tích tăng 15,34 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất trồng lúa 3,41 ha; đất trồng cây hàng năm 6,10 ha; đất trồng cây lâu năm 0,10 ha; đất giao thông 0,09 ha; đất thủy lợi 0,04 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,88 ha; đất ở tại đô thị 0,48 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 3,49 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,06 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,67 ha, đất chưa sử dụng 0,02 ha.

Một số công trình đất thể dục thể thao trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch gồm: Sân vận động huyện; Khu công viên thể thao, hồ điều hòa (Khu liên hợp thể thao) huyện Nghĩa Hành - TT Chợ Chùa, khu liên hợp thể thao xã Hành Minh, Khu thể thao đa năng xã Hành Thuận; Nhà thi đấu đa năng xã Hành Nhân và một số công trình thể thao cấp xã khác…

**\* Đất công trình năng lượng**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 1,56 ha. Diện tích cấp huyện xác định bằng so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Quy hoạch đến năm 2030 là 1,56 ha, tăng 1,19 ha so với năm 2023, trong đó:

+ Diện tích giảm 0,04 ha do chuyển sang đất giao thông 0,01 ha để thực hiện công trình Tiểu dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua xã Hành Đức huyện Nghĩa Hành; chuyển sang đất thuỷ lợi 0,02 ha để thực hiện công trình Hồ Thượng Sông Vệ, đập Hạ lưu Sông Vệ và đất ở đô thị 0,01 ha để thực hiện Khu dân cư Chợ Chùa - Hành Thuận.

+ Diện tích tăng 1,23 ha được lấy từ trồng lúa 0,56 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,24 ha; đất rừng sản xuất 0,25 ha; đất giao thông 0,05 ha; đất thuỷ lợi 0,01 ha, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 0,05 ha, đất ở nông thôn 0,07 ha để xây dựng trạm biến áp 110 KV Nghĩa Hành, Đường điện 110KV bãi rác, Di dời công trình công cộng thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn, đoạn tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 và nhu cầu nâng cấp đảm bảo an toàn lưới điện trên địa bàn huyện.

**\* Đất công trình bưu chính viễn thông**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 1,53 ha. Diện tích cấp huyện xác định bổ sung thấp hơn 0,93 ha so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 0,60 ha, tăng 0,05 ha so với hiện trạng năm 2023, trong đó:

+ Diện tích giảm 0,06 ha; diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông 0,03 ha; đất chợ 0,01 ha *(mở rộng chợ xã Hành Minh)* và đất ở nông thôn 0,02 ha.

+ Diện tích tăng 0,11 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,01 ha; đất trồng cây hang năm khác 0,01 ha; đất trồng cây lâu năm 0,02 ha; đất giao thông 0,04 ha; đất ở nông thôn 0,02 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,01 ha để xây dựng bưu điện xã Hành Minh và Di dời công trình công cộng thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn, đoạn tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 tại các xã Hành Thịnh, xã Hành Phước, xã Hành Minh, xã Hành Dũng.

**\* Đất có di tích lịch sử - văn hóa**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 7,16 ha. Diện tích cấp huyện xác định bằng so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 7,16 ha, tăng 1,09 ha so với năm 2023. Diện tích tăng được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất trồng lúa 0,36 ha *(Khu di tích lịch sử Đập Cây Gáo và Khu di tích lịch sử chiến thắng Hành Thịnh)*, đất trồng cây lâu năm 0,73 ha *(Nhà bia di tích Trường Lũy điểm Thiên Xuân).*

**\* Đất bãi thải, xử lý chất thải**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 113,72 ha. Diện tích cấp huyện xác định thấp hơn 53,52 ha so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 60,20 ha, tăng 50,50 ha so với năm 2023. Diện tích tăng được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất trồng lúa 4,99 ha; đất trồng cây hàng năm 10,14 ha; đất trồng cây lâu năm 17,40 ha; đất rừng sản xuất 12,75 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,03 ha; đất giao thông 1,26 ha; đất thủy lợi 0,60 ha; đất ở tại nông thôn 0,66 ha; đất chưa sử dụng 2,67 ha để thực hiện dự án *Hạ tầng và hạng mục phụ trợ khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ tại địa bàn 02 xã Hành Dũng và Hành Thuận và* *Khu xử lý chất thải rắn đường cao tốc.*

**\* Đất cơ sở tôn giáo**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 8,48 ha. Diện tích cấp huyện xác định thấp hơn 0,26 ha so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 8,22 ha, giảm 0,15 ha so với năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông *(thực hiện chỉnh trang đô thị theo quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết thị trấn Chợ Chùa).*

**\* Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 423,23 ha. Diện tích cấp huyện xác định bổ sung cao hơn 5,55 ha so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ. Nguyên nhân cao hơn là do huyện xác định bổ sung theo nhu cầu sử dụng đất tại địa phương, trong khi đó chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ chỉ tăng 10,80 ha so với hiện trạng năm 2023.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 428,78 ha, tăng 16,35 ha so với năm 2023, trong đó:

+ Diện tích giảm 28,84 ha do chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,06 ha; đất cụm công nghiệp 2,35 ha; đất thương mại 0,66 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,01 ha; đất giao thông 6,91 ha; đất thủy lợi 7,11 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 3,49 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo 0,27 ha; đất chợ 1,50 ha; đất năng lượng 0,05 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 1,39 ha; đất ở tại nông thôn 1,11 ha; đất ở tại đô thị 3,54 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,04 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,18 ha.

+ Diện tích tăng 45,19 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất trồng lúa 1,69 ha; đất trồng cây hàng năm 1,43 ha; đất trồng cây lâu năm 19,39 ha; đất rừng sản 20,80 ha; đất giao thông 0,61 ha; đất thủy lợi 0,04 ha; đất ở nông thôn 0,26 ha; đất chưa sử dụng 0,97 ha.

Một số danh mục công trình dự án đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng dự kiến thực hiện trong kỳ Điều chỉnh quy hoạch như: Chỉnh trang nghĩa trang nhân dân thị trấn Chợ Chùa; Quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân huyện Nghĩa Hành tại xã Hành Đức; quy hoạch nghĩa trang nhân dân xã Hành Dũng, Hành Phước, Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Tín Đông và Hành Trung.

**\*. Đất chợ**

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 7,48 ha, tăng 3,61 ha so với năm 2023, trong đó:

+ Diện tích giảm 0,22 ha do chuyển sang đất giao thông 0,01 ha; đất ở tại nông thôn 0,19 ha; đất ở tại đô thị 0,02 ha.

+ Diện tích tăng 3,83 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất trồng lúa 0,09 ha, đất trồng cây hàng năm 0,91 ha; đất cơ sở thể dục, thể thao 1,10 ha; đất bưu chính viễn thông 0,01 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 1,50 ha; đất ở tại nông thôn 0,22 ha để thực hiện các công trình như *Quy hoạch chợ trung tâm xã Hành Thiện; Chợ trung tâm xã Hành Tín Tây, Chợ trung tâm xã Hành Nhân; Chợ An Chỉ, xã Hành Phước và chợ mới xã Hành Thuận.*

***i) Đất khu vui chơi giải trí công cộng***

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 15,65 ha, tăng 9,70 ha so với năm 2023, trong đó:

+ Diện tích giảm 0,03 ha do chuyển sang đất đất xây dựng cơ sở văn hoá (*Mở rộng Khu sinh văn hóa thôn Vạn Xuân 2, xã Hành Thiện*).

+ Diện tích tăng 9,73 ha được lấy từ đất trồng lúa 1,54 ha, đất trồng cây hàng năm 5,20 ha; đất trồng cây lâu năm 0,26 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,07 ha; đất giao thông 0,73 ha; đất thủy lợi 0,05 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,19 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 1,39 ha; đất ở tại đô thị 0,24 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,06 ha để thực hiện các công trình như: *Công viên văn hóa huyện Nghĩa Hành - TT Chợ Chùa, các khu vui chơi giải trí trong khu dân cư theo quy hoạch xây dựng thị trấn; khu công viên, vui chơi giải trí tại các xã Hành Đức, Hành Dũng, Hành Thiện, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây và Hành Trung.*

***J) Đất ở tại nông thôn***

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 1.291,92 ha. Diện tích cấp huyện xác định bằng so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 1.291,92 ha, tăng 234,45 ha so với năm 2023, trong đó:

+ Diện tích giảm 33,41 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 1,12 ha; đất cụm công nghiệp 0,28 ha; đất thương mại, dịch vụ 1,10 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,49 ha; đất giao thông 21,06 ha; đất thủy lợi 6,02 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 0,66 ha; đất chợ 0,22 ha; đất bưu chính viễn thông 0,02 ha; đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,05 ha, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 0,26 ha, đất tín ngưỡng 0,06 ha.

+ Diện tích tăng 267,86 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất trồng lúa 90,80 ha, đất trồng cây hàng năm 109,33 ha; đất trồng cây lâu năm 53,25 ha; đất nuôi trồng thuỷ sản 0,06 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,04 ha; đất giao thông 2,45 ha; đất thủy lợi 6,25 ha; đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,04 ha đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1,58 ha; đất bưu chính viễn thông 0,02 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 1,11 ha; đất chợ 0,19 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 1,12 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,02 ha; đất sông, suối 0,02 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,15 ha; đất chưa sử dụng 0,45 ha.

Một số công trình, dự án đất ở nông thôn quan trọng trong kỳ quy hoạch như: Di dân, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành, xã Hành Dũng; Khu dân cư Tư Ích, Khu dân cư ngã ba Trung Mỹ xã Hành Dũng; Khu dân cư Nam Đồng Xít giai đoạn 2 *(xã Hành Đức)*; khu dân cư Đồng Giá, Khu dân cư Gò 7, Khu dân cư Gò Vôi xã Hành Minh; KDC đường Huyện đi Long Sơn (Đồng Núi Bé) xã Hành Nhân; Khu dân cư Ông Bùa, Khu dân cư Đồng Phần xã Hành Phước Khu dân cư Bàn Thới; Khu dân cư Hóc Chanh, Khu dân cư Bãi Nha xã Hành Thiện; Khu dân cư Mỹ Hưng, Khu dân cư Xuân Ba xã Hành Thịnh; Khu dân cư Đồng Trảy xã Hành Thuận; Khu dân cư Long Bình, Khu dân cư Tân Hòa - xã Hành Tín Tây, 02 dự án thu hút đầu tư phát triển dân cư Chợ Chùa - Hành Thuận và Chợ Chùa - Hành Minh),…

***k) Đất ở tại đô thị***

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 133,76 ha. Diện tích cấp huyện xác định bằng so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 133,76 ha, tăng 28,60 ha so với năm 2023, trong đó:

+ Diện tích giảm 31,54 ha do chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 5,51 ha; đất giao thông 20,91 ha; đất thủy lợi 1,18 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,62 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,02 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,48 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 0,83 ha; đất khu vui chơi giải trí 0,24 ha; đất trụ sở cơ quan 0,03 ha; đất phi nông nghiệp khác 2,55 ha.

+ Diện tích tăng 60,14 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: đất trồng lúa 33,93 ha, đất trồng cây hàng năm 18,40 ha; đất trồng cây lâu năm 0,44 ha; đất an ninh 0,02 ha; đất giao thông 0,56 ha; đất thủy lợi 1,27 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,08 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,45 ha; đất năng lượng 0,01 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,19 ha; đất năng lượng 0,01 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 3,54 ha; đất chợ 0,02 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,19 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,03 ha; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,09 ha; đất sông, suối 0,45 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,34 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,02 ha; đất chưa sử dụng 0,11 ha.

Một số công trình dự án đất ở đô thị trong kỳ quy hoạch như khu dân cư Đồng Dinh giai đoạn 2, khu dân cư Bắc cầu Kênh, Thu hút đầu tư 02 khu dân cư Chợ Chùa – Hành Thuận và Chợ Chùa – Hành Minh; chỉnh trang đô thị theo quy hoạch xây dựng thị trấn Chợ Chùa,…

***l) Đất xây dựng trụ sở cơ quan***

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 9,76 ha. Diện tích cấp huyện xác định bằng so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 9,76 ha, tăng 0,27 ha so với năm 2023, trong đó:

+ Diện tích giảm 1,55 ha do chuyển sang đất an ninh 0,44 ha; đất thương mại dịch vụ 0,19 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,02 ha; đất giao thông 0,33 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,06 ha; đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,09 ha; đất công trình bưu chính viễn thông 0,01 ha; đất ở tại nông thôn 0,02 ha, đất ở tại đô thị 0,03 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,09 ha.

+ Diện tích tăng 1,82 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang đất trồng lúa 0,98 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,47 ha; đất trồng cây lâu năm 0,05 ha; đất nuôi trồng thuỷ sản 0,03 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,03 ha; đất giao thông 0,02 ha và đất thủy lợi 0,07 ha, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,10 ha, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 0,04 ha; đất ở đô thị 0,03 ha mở rộng Trụ sở UBND xã Hành Đức; Kho bạc nhà nước huyện Nghĩa Hành; Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hành; mở rộng đất trụ sở để xây dựng nhà làm việc của ban chỉ huy quân sự xã Hành Tín Đông và trung tâm hành chính xã Hành Tín Tây.

***m) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp***

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 4,65 ha. Diện tích cấp huyện xác định thấp hơn 0,39 ha so với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch huyện không đăng ký công trình thực hiện cho loại đất này.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 4,27 ha, giảm 0,74 ha so với năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang đất thương mại 0,40 ha, giao thông 0,04 ha; đất xây dựng cơ sở văn hoá 0,21 ha; đất ở tại đô thị 0,09 ha*.*

***n) Đất tín ngưỡng***

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 5,65 ha, giảm 0,14 ha so với năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông *(Tiểu dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua xã Hành Đức huyện Nghĩa Hành và Hệ thống đường nội thị thị trấn chợ chùa).*

***o) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối***

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 811,24 ha, giảm 22,64 ha so với năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ 11,40 ha; đất thương mại dịch vụ 0,03 ha; đất giao thông 3,78 ha; đất thủy lợi 6,96 ha; đất ở tại nông thôn 0,02 ha; đất ở tại đô thị 0,45 ha để thực hiện xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi (*hệ thống kè chống sạt lở ven sông)*, chỉnh trang đô thị,…

***p) Đất có mặt nước chuyên dùng***

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 43,37 ha, giảm 23,66 ha so với năm 2023. Diện tích do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 21,06 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,01 ha; đất giao thông 1,33 ha; đất thuỷ lợi 0,04 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,67 ha *(dự án quần thể sân thể thao, hồ điều hòa)*, khu vui chơi giải trí 0,06 ha; đất ở tại nông thôn 0,13 ha; đất ở tại đô thị 0,34 ha, đất phi nông nghiệp khác 0,02 ha để thực hiện xây dựng các công trình như mở rộng cụm công nghiệp Đồng Dinh; chỉnh trang đô thị, quy hoạch điểm du lịch,…

***q) Đất phi nông nghiệp khác***

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 9,80 ha, tăng 6,12 ha so với năm 2023, trong đó:

+ Diện tích giảm 0,71 ha do chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 063 ha; đất giao thông 0,01 ha; đất thủy lợi 0,05 ha; đất ở tại đô thị 0,02 ha.

+ Diện tích tăng 6,83 ha được lấy từ các mục đích khác chuyển sang: Đất trồng lúa 0,93 ha; đất trồng cây hàng năm 1,27 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,40 ha; đất giao thông 0,24 ha; đất thủy lợi 0,05 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hoả táng 0,18 ha; đất ở tại đô thị 2,55 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,09 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,02 ha, đất chưa sử dụng 1,10 ha để quy hoạch quỹ đất dự phòng cho phát triển hạ tầng đô thị tại thị trấn Chợ Chùa và khu vực trung tâm xã Hành Thiện theo quy hoạch chi tiết xây dựng; thu hút đầu tư các khu dân cư Chợ Chùa – Hành Minh, Chờ Chùa – Hành Thuận.

## 1.2.3. Đất chưa sử dụng

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là: 77,07 ha. Diện tích cấp huyện xác định bằng với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 77,07 ha,giảm 24,61 ha so với năm 2023 do chuyển sang đất nông nghiệp 6,21 ha; đất phi nông nghiệp 18,40 ha.

**Phần III**

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

*(Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được UBND tỉnh phê duyệt*

*tại Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 29/12/2023)*

# 3.1.Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất trong năm Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được xác định cụ thể:

- Đất nông nghiệp năm 2024 là 19.327,08ha; được phân bổ cho các xã, thị trấn sau:

+ TT Chợ Chùa: 444,50 ha.

+ Hành Thuận: 613,90 ha.

+ Hành Dũng: 2.601,75 ha.

+ Hành Trung: 613,48 ha.

+ Hành Nhân: 1.483,84 ha.

+ Hành Đức: 1.089,10 ha.

+ Hành Minh: 731,79 ha.

+ Hành Phước: 1.312,89 ha.

+ Hành Thiện: 2.168,62 ha.

+ Hành Thịnh: 1.565,23 ha.

+ Hành Tín Tây: 3.605,53 ha.

+ Hành Tín Đông: 3.096,45 ha.

- Đất phi nông nghiệp năm 2024 là 4.022,92 ha; được phân bổ cho các xã, thị trấn sau:

+ TT Chợ Chùa: 308,89 ha.

+ Hành Thuận: 223,94 ha.

+ Hành Dũng: 378,49 ha.

+ Hành Trung: 226,66 ha.

+ Hành Nhân: 263,62 ha.

+ Hành Đức: 553,59 ha.

+ Hành Minh: 221,62 ha.

+ Hành Phước: 368,35 ha.

+ Hành Thiện: 353,60 ha.

+ Hành Thịnh: 494,62 ha.

+ Hành Tín Tây: 304,10 ha.

+ Hành Tín Đông: 325,44 ha.

- Đất chưa sử dụng năm 2024 là 98,55 ha; được phân bổ cho các xã, thị trấn sau:

+ TT Chợ Chùa: 0,07 ha.

+ Hành Thuận: 2,57 ha.

+ Hành Dũng: 8,12 ha.

+ Hành Trung: 6,02 ha.

+ Hành Nhân: 6,71 ha.

+ Hành Đức: 5,35 ha.

+ Hành Minh: 6,33 ha.

+ Hành Phước: 4,44 ha.

+ Hành Thiện: 5,87 ha.

+ Hành Thịnh: 2,64 ha.

+ Hành Tín Tây: 8,79 ha.

+ Hành Tín Đông: 41,64 ha.

**3.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất**

Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện tiếp tục chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024, cụ thể:

**a) Đất nông nghiệp giảm 49,95 ha.**

*Trong đó*

- Đất trồng lúa giảm 24,89 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác giảm 64,0 ha.

- Đất trồng cây lâu năm tăng 37,27 ha.

- Đất rừng sản xuất giảm 2,47 ha.

- Đất nuôi trồng thuỷ sản giảm 4,72 ha.

- Đất nông nghiệp khác tăng 3,88 ha.

**b) Đất phi nông nghiệp tăng 39,01 ha.**

***Trong đó:***

***-*** Đất quốc phòng tăng 0,07 ha.

- Đất an ninh tăng 0,66 ha.

- Đất cụm công nghiệp tăng 4,56 ha.

- Đất thương mại, dịch vụ tăng 0,06 ha.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm tăng 20,81 ha.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã giảm 20,68 ha.

*Trong đó*

*+ Đất giao thông tăng giảm 1,97 ha.*

*+ Đất thủy lợi giảm 25,31 ha.*

*+ Đất xây dựng cơ sở y tế 0,01 ha.*

*+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo tăng 0,02 ha.*

*+ Đất cơ sở thể dục - thể thao giảm 0,01 ha.*

*+ Đất công trình năng lượng tăng 0,43 ha.*

*+ Đất công trình bưu chính, viễn thông tăng 0,01 ha.*

*+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa tăng 0,02 ha.*

*+ Đất cơ sở tôn giáo 0,08 ha.*

*+ Đất làm nghĩa trang,nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng giảm 5,42 ha.*

- Đất sinh hoạt cộng đồng giảm 0,08 ha.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng giảm 2,52 ha.

- Đất ở tại nông thôn tăng 22,62 ha.

- Đất ở tại đô thị tăng 10,80 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 0,10 ha.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp giảm 0,06 ha.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 3,04 ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng tăng 5,42 ha.

**c) Đất chưa sử dụng giảm 10,93 ha.**

**3.1.2.Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân:**

Nhu cầu đăng ký sử dụng đất thực hiện trong năm 2024 như sau:

a/ Nhu cầu đất an ninh:

- Trụ sở làm việc Công an xã Hành Thiện với diện tích 0,16 ha tại xã Hành Thiện.

- Trụ sở làm việc Công an xã Hành Minh với diện tích 0,10 ha tại xã Hành Minh;

- Trụ sở làm việc Công an xã Hành Trung với diện tích 0,11 ha tại xã Hành Trung;

- Trụ sở làm việc Công an xã Hành Nhân với diện tích 0,10 ha tại xã Hành Nhân;

- Trụ sở Công an xã Hành Thuận với diện tích 0,09 ha tại xã Hành Thuận;

- Trụ sở làm việc Công an xã Hành Đức với diện tích 0,11 ha tại xã Hành Đức;

- Trụ sở làm việc Công an xã Hành Tín Tây với diện tích 0,20 ha tại xã Hành Tín Tây

b/ Nhu cầu đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:

* Mở rộng Nghĩa địa nhân dân Gò Ông Thọ với diện tích 0,35 ha tại xã Hành Thiện.

c/ Nhu cầu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:

- Trường mầm non Hành Phước với diện tích 0,43 ha tại xã Hành Phước.

**3.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất**

**3.2.1. Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp**

Tổng diện tích hiện trạng năm 2023 là 19.598,91 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 19.327,08 ha, diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là giảm 271,83 ha; trong đó:

- Đất trồng lúa (LUA): diện tích hiện trạng năm 2023 là 3.555,20 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 3.409,53 ha; diện tích biến động giảm trong kỳ kế hoạch là 145,67 ha; do chuyển sang các loại đất khác để thực hiện các công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, Khu tái định cư Đồng Xuân, Khu tái định cư Kỳ Thọ Nam 2, KDC phía Nam Cụm Công Nghiệp Đồng Dinh,…

*Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): diện tích hiện trạng năm 2023 là 3.398,96 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 3.256,17 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là giảm 142,79 ha; do thu hồi để thực hiện công trình, dự án.*

- Đất trồng cây hàng năm khác (HNK): diện tích hiện trạng năm 2023 là 3.016,33 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 2.957,01 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là giảm 59,32 ha, diện tích giảm do chuyển sang các loại đất khác để thực hiện các công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, KDC Hành Thuận, Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc Quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ, KDC phía Nam Cụm Công Nghiệp Đồng Dinh,…

- Đất trồng cây lâu năm (CLN): diện tích hiện trạng năm 2023 là 2.793,62 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 2.764,32 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là giảm 29,30 ha, diện tích giảm do chuyển sang các loại đất khác để thực hiện các công trình: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hành Minh - Hành Đức, Khu Nghĩa trang nhân dân Núi Rố - Gò Rộng,…

- Đất rừng phòng hộ (RPH): diện tích hiện trạng năm 2023 là 1.021,96 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 1.021,96 ha; diện tích không biến động trong năm kế hoạch sử dụng đất.

- Đất rừng sản xuất (RSX): diện tích hiện trạng năm 2023 là 9.159,82 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 9.123,59 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là giảm 36,23 ha, diện tích giảm do chuyển sang các loại đất khác để thực hiện các công trình: Khai thác đất làm vật liệu san lấp bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đất thôn Vạn Xuân, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hành Minh - Hành Đức, Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025,…

*Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên (RSN): diện tích hiện trạng năm 2023 là 1.605,69 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 1.605,69 ha; diện tích không biến động trong kỳ kế hoạch sử dụng đất.*

- Đất nuôi trồng thuỷ sản (NTS): diện tích hiện trạng năm 2023 là 23,36 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 23,25 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là giảm 0,11 ha, diện tích giảm do chuyển sang các loại đất khác để thực hiện các công trình: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hành Minh - Hành Đức, KDC phía Nam Cụm Công Nghiệp Đồng Dinh, Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025,…

- Đất nông nghiệp khác (NKH): diện tích hiện trạng năm 2023 là 28,67 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 27,47 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là giảm 1,20 ha, diện tích giảm do chuyển sang loại đất khác để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025.

**3.2.2 Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp**

Tổng diện tích hiện trạng năm 2023 là 3.747,53 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 4.022,92 ha, diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là tăng 275,39 ha; trong đó:

- Đất quốc phòng (CQP): diện tích hiện trạng năm 2023 là 57,70 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 59,20 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là tăng 1,50 ha để thực hiện công trình: Xây dựng thao trường huấn luyện cho BCHQS huyện Nghĩa Hành thuộc BCHQS tỉnh Quảng Ngãi.

- Đất an ninh (CAN): diện tích hiện trạng năm 2023 là 1,0 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 2,36 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là tăng 1,36 ha để thực hiện Trụ sở làm việc của Công an các xã Hành Thịnh, Hành Phước, Hành Thuận, Hành Dũng, Hành Tín Đông, Hành Thiện, Hành Minh, Hành Trung, Hành Nhân, Hành Đức, Hành Tín Tây.

- Đất cụm công nghiệp (SKN): diện tích hiện trạng năm 2023 là 13,54 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 41,80 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch tăng 28,26 ha, để thực hiện công trình Cụm công nghiệp Đồng Dinh và Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hành Minh - Hành Đức.

- Đất thương mại dịch vụ (TMD): diện tích hiện trạng năm 2023 là 1,64 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 1,79 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch tăng 0,15 ha, để thực hiện công trình: Trụ sở Agribank chi nhánh huyện Nghĩa Hành.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC): diện tích hiện trạng năm 2023 là 17,28 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 17,19 ha; diện tích giảm 0,09 do chuyển sang đất cụm công nghiệp để thực hiện công trình: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hành Minh - Hành Đức.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX): diện tích hiện trạng năm 2023 là 30,15 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 46,91 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch tăng 16,76 ha, để thực hiện công trình: Khai thác đất làm vật liệu san lấp bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đất thôn Vạn Xuân, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (DHT): diện tích hiện trạng năm 2023 là 1.553,29 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 1.708,14 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là tăng 154,85 ha, để thực hiện các công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025; Cầu Cây Sanh và cầu Sông Giăng, tuyến đường tỉnh ĐT.628, tỉnh Quảng Ngãi; Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc Quy hoạch khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ; Nâng cấp đường huyện ĐH.56C (Hành Minh-Hành Đức); Khu Nghĩa trang nhân dân Núi Rố - Gò Rộng; Kè chống sạt lở sông Phước Giang, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành;...

- Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH): diện tích hiện trạng năm 2023 là 9,25 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 9,04 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là giảm 0,21 ha, do chuyển mục đích sang đất an ninh và đất ở nông thôn.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (DKV): diện tích hiện trạng năm 2023 là 3,68 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 3,68 ha; diện tích không biến động trong kỳ kế hoạch sử dụng đất.

- Đất ở tại nông thôn (ONT): diện tích hiện trạng năm 2023 là 1.029,96 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 1.080,45 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là tăng 50,49 ha. Trong đó: Diện tích thực tăng 69,19 ha để thực hiện công trình: KDC phía Tây Đường Tránh Đông, xã Hành Thuận; Khu tái định cư Đồng Giá; Tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư Khu dân cư Đồng Trảy, xã Hành Thuận,...Diện tích giảm 19,41 ha là do chuyển sang đất phát triển hạ tầng.

- Đất ở tại đô thị (ODT): diện tích hiện trạng năm 2023 là 102,79 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 141,50 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là tăng 38,71 ha. Trong đó: Diện tích thực tăng 39,87 ha để thực hiện công trình: KDC phía Nam Cụm Công Nghiệp Đồng Dinh, Điểm dân cư thị trấn Chùa,..Diện tích giảm 1,16 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ và đất phát triển hạ tầng.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC): diện tích hiện trạng năm 2023 là 10,67 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 9,29 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là giảm 1,38 ha do chuyển mục đích để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, Nâng cấp đường huyện ĐH.56C (Hành Minh-Hành Đức); Trụ sở Agribank chi nhánh huyện Nghĩa Hành; Trụ sở làm việc Công an các xã Hành Phước, Hành Minh, Hành Nhân, Hành Đức.

- Đất xây trụ sở của tổ chức sự nghiệp (DTS): diện tích hiện trạng năm 2023 là 5,00 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 4,97 ha, diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là giảm 0,03 ha do chuyển mục đích để thực hiện công trình: Điểm dân cư thị trấn Chùa; Điểm dân cư xã Hành Dũng.

- Đất cơ sở tín ngưỡng (TIN): diện tích hiện trạng năm 2023 là 5,79 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 5,73 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là giảm 0,06 ha do chuyển mục đích để thực hiện công trình: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON): diện tích hiện trạng năm 2023 là 835,08 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 820,62 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là giảm 14,46 ha do chuyển mục đích sang các loại đất khác để thực hiện các công trình trong kỳ kế hoạch.

- Đất có mặt nước chuyên dùng (MNC): diện tích hiện trạng năm 2023 là 67,03 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 66,57 ha, diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là giảm 0,46 ha do chuyển mục đích sang các loại đất khác để thực hiện công trình trong kỳ kế hoạch.

- Đất phi nông nghiệp khác (PNK): diện tích hiện trạng năm 2023 là 3,68 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 3,68 ha; diện tích không biến động trong kỳ kế hoạch sử dụng đất.

**3.2.3. Đất chưa sử dụng**

Tổng diện tích hiện trạng năm 2023 là 102,11 ha, theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích là 98,55 ha; diện tích biến động trong kỳ kế hoạch là giảm 3,56 ha do chuyển sang các loại đất khác để thực hiện các công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025; Cụm công nghiệp Đồng Dinh.

**3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích**

*Đơn vị tính: ha*

| **STT** | **Mục đích sử dụng** | **Mã SDĐ** | **Diện tích** |
| --- | --- | --- | --- |
|
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** |
| **1** | **Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp** | **NNP/PNN** | **271,83** |
|  | *Trong đó:* |  |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA/PNN | 145,67 |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC/PNN* | 142,79 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK/PNN | 59,32 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN/PNN | 29,30 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH/PNN |  |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD/PNN |  |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX/PNN | 36,23 |
|  | *Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên* | RSN/PNN |  |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS/PNN | 0,11 |
| 1.8 | Đất làm muối | LMU/PNN |  |
| 1.9 | Đất nông nghiệp khác | NKH/PNN | 1,20 |
| **2** | **Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp** |  |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |
| 2.1 | Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm | LUA/CLN |  |
| 2.2 | Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng | LUA/LNP |  |
| 2.3 | Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản | LUA/NTS |  |
| 2.4 | Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối | LUA/LMU |  |
| 2.5 | Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản | HNK/NTS |  |
| 2.6 | Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối | HNK/LMU |  |
| 2.7 | Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng | RPH/NKR(a) |  |
| 2.8 | Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng | RDD/NKR(a) |  |
| 2.9 | Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng | RSX/NKR(a) |  |
|  | *Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên* | RSN/NKR(a) |  |
| **3** | **Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở** | **PKO/OCT** | **16,22** |

*Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thuỷ sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.*

*- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.*

- Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp là 271,83 ha.

Trong đó:

+ Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 145,67 ha (đất chuyên trồng đất lúa nước 142,79 ha). Trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 27,33 ha; Hành Thuận 16,32 ha; Hành Dũng 10,40 ha; Hành Trung 0,11 ha; Hành Nhân 1,46 ha; Hành Đức 28,23 ha; Hành Minh 5,01 ha; Hành Phước 24,86 ha; Hành Thịnh 31,39 ha; Hành Tín Tây 0,18 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 59,32 ha. Trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 11,30 ha; Hành Thuận 11,33 ha; Hành Dũng 8,79 ha; Hành Nhân 0,20 ha; Hành Đức 1,80 ha; Hành Minh 19,81 ha; Hành Phước 2,83 ha; Hành Thiện 0,04 ha; Hành Thịnh 3,06 ha; Hành Tín Đông 0,16 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 29,30 ha. Trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 1,20 ha; Hành Thuận 7,81 ha; Hành Dũng 7,03 ha; Hành Đức 2,04 ha; Hành Minh 0,78 ha; Hành Phước 0,05 ha; Hành Thiện 3,77 ha; Hành Thịnh 6,62 ha.

+ Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp là 36,23 ha. Trong đó: Hành Đức 9,26 ha; Hành Minh 10,08 ha; Hành Thiện 13,25 ha; Hành Thịnh 3,64 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp là 0,11 ha. Trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 0,01 ha; Hành Đức 0,04 ha; Hành Minh 0,06 ha.

+ Đất nông nghiệp khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 1,20 ha (Hành Thuận).

- Diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 16,22 ha. Trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 6,07 ha; Hành Thuận 3,70 ha; Hành Dũng 0,01 ha; Hành Nhân 0,02 ha; Hành Đức 1,29 ha; Hành Minh 3,61 ha; Hành Phước 0,03 ha; Hành Thịnh 1,49 ha.

**3.4. Diện tích đất cần thu hồi**

*Đơn vị tính: ha*

| **STT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Tổng diện tích** |
| --- | --- | --- | --- |
|
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** |
| ***1*** | ***Đất nông nghiệp*** | ***NNP*** | **271,83** |
|  | *Trong đó:* |  |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 145,67 |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | 142,79 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 59,32 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 29,30 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH |  |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD |  |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | 36,23 |
|  | *Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên* | *RSN* |  |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS | 0,11 |
| 1.8 | Đất làm muối | LMU |  |
| 1.9 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 1,20 |
| ***2*** | ***Đất phi nông nghiệp*** | ***PNN*** | **59,51** |
|  | *Trong đó:* |  |  |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP |  |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN |  |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK |  |
| 2.4 | Đất cụm công nghiệp | SKN |  |
| 2.5 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD |  |
| 2.6 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 0,09 |
| 2.7 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS |  |
| 2.8 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX |  |
| 2.9 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 22,25 |
|  | Trong đó: |  |  |
|  | *Đất giao thông* | *DGT* | 5,90 |
|  | *Đất thủy lợi* | *DTL* | 9,94 |
|  | *Đất xây dựng cơ sở văn hóa* | *DVH* |  |
|  | *Đất xây dựng cơ sở y tế* | *DYT* | 0,17 |
|  | *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo* | *DGD* | 0,03 |
|  | *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao* | *DTT* | 0,91 |
|  | *Đất công trình năng lượng* | *DNL* | 0,02 |
|  | *Đất công trình bưu chính, viễn thông* | *DBV* | 0,01 |
|  | *Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia* | *DKG* |  |
|  | *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* | *DDT* |  |
|  | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *DRA* |  |
|  | *Đất cơ sở tôn giáo* | *TON* |  |
|  | *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng* | *NTD* | 5,27 |
|  | *Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ* | *DKH* |  |
|  | *Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội* | *DXH* |  |
|  | *Đất chợ* | *DCH* |  |
| 2.10 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL |  |
| 2.11 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 0,21 |
| 2.12 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV |  |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 19,41 |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | ODT | 1,16 |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 1,38 |
| 2.16 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 0,03 |
| 2.17 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG |  |
| 2.18 | Đất tín ngưỡng | TIN | 0,06 |
| 2.19 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 14,46 |
| 2.20 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 0,46 |
| 2.21 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK |  |

**- Diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi là 271,83 ha. Bao gồm:**

+ Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 145,67 ha (đất chuyên trồng đất lúa nước 142,79 ha). Trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 27,33 ha; Hành Thuận 16,32 ha; Hành Dũng 10,40 ha; Hành Trung 0,11 ha; Hành Nhân 1,46 ha; Hành Đức 28,23 ha; Hành Minh 5,01 ha; Hành Phước 24,86 ha; Hành Thịnh 31,39 ha; Hành Tín Tây 0,18 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 59,32 ha. Trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 11,30 ha; Hành Thuận 11,33 ha; Hành Dũng 8,79 ha; Hành Nhân 0,20 ha; Hành Đức 1,80 ha; Hành Minh 19,81 ha; Hành Phước 2,83 ha; Hành Thiện 0,04 ha; Hành Thịnh 3,06 ha; Hành Tín Đông 0,16 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 29,30 ha. Trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 1,20 ha; Hành Thuận 7,81 ha; Hành Dũng 7,03 ha; Hành Đức 2,04 ha; Hành Minh 0,78 ha; Hành Phước 0,05 ha; Hành Thiện 3,77 ha; Hành Thịnh 6,62 ha.

+ Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp là 36,23 ha. Trong đó: Hành Đức 9,26 ha; Hành Minh 10,08 ha; Hành Thiện 13,25 ha; Hành Thịnh 3,64 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp là 0,11 ha. Trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 0,01 ha; Hành Đức 0,04 ha; Hành Minh 0,06 ha.

+ Đất nông nghiệp khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 1,20 ha (Hành Thuận).

**- Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi là 59,51 ha. Bao gồm:**

**+** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp cần thu hồi 0,09 ha (xã Hành Minh);

+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã cần thu hồi là 22,25 ha. Trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 6,10 ha; Hành Thuận 3,84 ha; Hành Dũng 1,88 ha; Hành Nhân 0,07 ha; Hành Đức 2,07 ha, Hành Minh 2,97 ha; Hành Phước 1,58 ha; Hành Thiện 0,09 ha, Hành Thịnh 3,63 ha, Hành Tín Tây 0,02 ha.

+ Đất sinh hoạt cộng đồng cần thu hồi là 0,21 ha. Trong đó: Hành Thiện 0,16 ha, Hành Nhân 0,02 ha, Hành Phước 0,03 ha.

+ Đất ở tại nông thôn cần thu hồi là 19,41 ha. Trong đó: Hành Thuận 0,04 ha; Hành Dũng 6,39 ha; Hành Nhân 0,12 ha; Hành Đức 3,35 ha, Hành Minh 4,58 ha; Hành Phước 1,74 ha; Hành Thịnh 3,19 ha.

+ Đất ở tại đô thị cần thu hồi là 1,16 ha (thị trấn Chợ Chùa).

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan cần thu hồi là 1,38 ha. Trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 0,15 ha; Hành Nhân 0,10 ha; Hành Đức 0,12 ha, Hành Minh 0,43 ha; Hành Phước 0,10 ha; Hành Thịnh 0,48 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp cần thu hồi là 0,03 ha. Trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 0,02 ha; Hành Dũng 0,01 ha.

+ Đất tín ngưỡng cần thu hồi là 0,06 ha (Hành Minh).

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối cần thu hồi 14,46 ha. Trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 6,19 ha; Hành Dũng 3,21 ha; Hành Nhân 0,07 ha; Hành Minh 2,74 ha; Hành Phước 1,92 ha, Hành Thịnh 0,33 ha.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng cần thu hồi là 0,46 ha, trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 0,34 ha; Hành Thuận 0,09 ha; Hành Đức 0,03 ha.

**3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng**

Dự kiến, trong năm 2024, trên địa bàn huyện Nghĩa Hành sẽ đưa diện tích 3,56 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng (trong đó: Thị trấn Chợ Chùa 0,11 ha; xã Hành Thuận 0,01 ha, xã Hành Dũng 0,16 ha, xã Hành Đức 0,24 ha, Hành Minh 0,02 ha, Hành Phước 2,77 ha, Hành Thịnh 0,25 ha).

Chi tiết kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nghĩa Hành như sau:

*Đơn vị tính: ha*

| **STT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Tổng diện tích** |
| --- | --- | --- | --- |
|
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** |
|  | **TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT CSD ĐƯA VÀO SD** |  |  |
|  | **Loại đất** |  |  |
| ***1*** | ***Đất nông nghiệp*** | ***NNP*** |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA |  |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* |  |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK |  |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN |  |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH |  |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD |  |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX |  |
|  | *Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên* | *RSN* |  |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS |  |
| 1.8 | Đất làm muối | LMU |  |
| 1.9 | Đất nông nghiệp khác | NKH |  |
| ***2*** | ***Đất phi nông nghiệp*** | ***PNN*** | **3,56** |
|  | *Trong đó:* |  |  |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP |  |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN |  |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK |  |
| 2.4 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 0,01 |
| 2.5 | Đất thương mại dịch vụ | TMD |  |
| 2.6 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC |  |
| 2.7 | Đất cho hoạt động khoáng sản | SKS |  |
| 2.8 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX |  |
| 2.9 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 3,34 |
|  | *Trong đó:* |  |  |
|  | *Đất giao thông* | *DGT* | 0,49 |
|  | *Đất thủy lợi* | *DTL* | 0,38 |
|  | *Đất cơ sở văn hóa* | *DVH* |  |
|  | *Đất cơ sở y tế* | *DYT* |  |
|  | *Đất cơ sở giáo dục - đào tạo* | *DGD* |  |
|  | *Đất cơ sở thể dục - thể thao* | *DTT* |  |
|  | *Đất công trình năng lượng* | *DNL* |  |
|  | *Đất công trình bưu chính viễn thông* | *DBV* |  |
|  | *Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia* | *DKG* |  |
|  | *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* | *DDT* |  |
|  | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *DRA* | 0,11 |
|  | *Đất cơ sở tôn giáo* | *TON* |  |
|  | *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng* | *NTD* | 2,36 |
|  | *Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ* | *DKH* |  |
|  | *Đất cơ sở dịch vụ về xã hội* | *DXH* |  |
|  | *Đất chợ* | *DCH* |  |
| 2.10 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL |  |
| 2.11 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH |  |
| 2.12 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV |  |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 0,12 |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | ODT | 0,09 |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC |  |
| 2.16 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS |  |
| 2.17 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG |  |
| 2.18 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN |  |
| 2.19 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON |  |
| 2.20 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC |  |
| 2.21 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK |  |

**3.6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch**

Tổng danh mục các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nghĩa Hành là 50 công trình, dự án với tổng diện tích 345,93 ha. Cụ thể:

- Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất của huyện Nghĩa Hành năm 2024 (Quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật đất đai) gồm có: 02 công trình, dự án với tổng diện tích 0,78 ha.

- Danh mục công trình, dự án thu hồi đất đã được phê duyệt trong KHSDĐ năm trước đã có Quyết định thu hồi đất, đề nghị tiếp tục thực hiện thủ tục đất đai trong năm 2024 gồm: 04 công trình với tổng diện tích 3,19 ha.

- Danh mục công trình, dự án không thuộc quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 (thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Quảng Ngãi) năm 2024 gồm có: 7 công trình, dự án với tổng diện tích 0,87 ha.

- Danh mục công trình, dự án không thuộc quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 (thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Quảng Ngãi) đã được phê duyệt trong KHSDĐ năm trước đề nghị tiếp tục thực hiện trong năm 2024 gồm: 01 công trình với tổng diện tích 1,50 ha.

* Danh mục công trình, dự án thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2022, 2023 chuyển sang: 36 công trình, dự án với tổng diện tích 339,59 ha.

Danh mục công trình, dự án đăng ký đấu giá quyền sử dụng đất năm 2024 gồm có 12 công trình với tổng diện tích 4,88 ha.

**3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất**

**3.7.1. Căn cứ pháp lý để tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch năm 2024:**

- Nghị định số 44/2014/CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về việc thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà Nước thu hồi đất.

- Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2020-2024) và Quyết định số 64/2021/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 về việc Sửa đổi, bổ sung Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 – 2024).

- Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ sung Bảng giá đất ở kèm theo Quyết định số 17/2023/QĐ – UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá số 2, Bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh.

- Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi Điều 23 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh;

- Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**3.7.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai:**

| **STT** | **Loại đất** | **Diện tích (ha)** | **Đơn giá (1.000 đồng/m2)** | **Đơn giá (Triệu đồng/ha)** | **Thành tiền (Triệu đồng)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
|  |
| **A** | **Dự kiến các khoản chi:** |  |  |  | 263.099,56 |  |
| 1 | Chi cho thu hồi đất trồng lúa | 133,14 | 32 | 320 | 42.604,80 | Đồng bằng |
| 12,53 | 20 | 200 | 2.506,00 | Miền núi |
| 2 | Chi cho thu hồi đất trồng cây hàng năm khác | 50,13 | 30 | 300 | 15.037,84 | Đồng bằng |
| 9,19 | 19 | 190 | 1.746,10 | Miền núi |
| 3 | Chi cho thu hồi đất trồng cây lâu năm | 18,50 | 30 | 300 | 5.550,00 | Đồng bằng |
| 10,80 | 19 | 190 | 2.052,00 | Miền núi |
| 4 | Chi cho thu hồi đất nuôi trồng thủy sản | 0,11 | 24 | 240 | 26,40 | Đồng bằng |
| 5 | Chi cho đất rừng trồng sản xuất | 22,98 | 8 | 80 | 1.838,40 | Đồng bằng |
| 13,25 | 7 | 70 | 927,50 | Miền núi |
| 6 | Chi cho đất rừng phòng hộ |  | 8 | 80 | 0,00 | Đồng bằng |
|  | 7 | 70 | 0,00 | Miền núi |
| 7 | Chi cho thu hồi đất ở tại nông thôn | 12,90 | 150 | 1.500,00 | 19.350,00 | Đồng bằng |
| 6,51 | 108 | 1.080,00 | 7.030,80 | Miền núi |
| 8 | Chi cho thu hồi đất ở tại đô thị | 1,16 | 667 | 6.670,00 | 7.737,20 |  |
| 9 | Chi hỗ trợ cho thu hồi đất nông nghiệp | 270,63 | 57,9 | 579 | 156.692,52 | (gấp 3 lần giá đất thu hồi) |
| **B** | **Dự kiến các khoản thu:** |  |  |  | 314.602,50 |  |
| 1 | Thu từ giao đất ở tại nông thôn | 69,16 | 150 | 1.500,00 | 103.746,00 | Đồng bằng |
| 0,03 | 108 | 1.080,00 | 32,40 | Miền núi |
| 2 | Thu từ giao đất ở tại đô thị | 39,87 | 350 | 3.500,00 | 139.545,00 |  |
| 3 | Thu từ thuê đất cơ sở sản xuất kinh doanh | 28,26 | 251 | 2.510,00 | 70.932,60 | (70% giá đất ở theo loại đường, khu vực, vị trí) |
| 4 | Đất thương mại dịch vụ |  | 16 | 160 | 0,00 | (70% giá đất ở theo loại đường, khu vực, vị trí) |
| **C** | **CÂN ĐỐI THU - CHI (C=B-A)** |  |  |  | **51.502,94** |  |

**Phần IV**

# GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

# I. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường, điều tra đánh giá và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước trên địa bàn huyện để sử dụng có hiệu quả và bền vững.

- Đối với sản xuất nông nghiệp:

+ Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điểu kiện thổ nhưỡng với trọng tâm là hình thành vùng chuyên canh cây ăn quả kết hợp với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.

+ Thực hiện ứng dụng sản xuất theo hướng canh tác hữu cơ ở những vùng có điều kiện; sử dụng phân bón hợp lý đặc biệt tăng cường sử dụng các loại phân hữu cơ và phân vi sinh, hạn chế sử dụng phân hoá học và các loại thuốc hoá học bảo vệ thực vật.

+ Các vùng đất có độ dốc lớn, không nên làm đất vào mùa mưa nhằm giảm thiểu các quá trình xói mòn, rửa trôi đất, khai thác sử dụng đất phải đi đôi với bảo vệ môi trường đất để sử dụng đất ổn định, lâu dài và bền vững.

+ Nghiên cứu thu hút đầu tư phát triển rừng gỗ lớn để tăng cường độ che phủ rừng, tăng nguồn sinh thủy đồng thời nâng cao hiệu quả kinh tế ngành lâm nghiệp.

- Đối với sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

+ Ưu tiên phát triển các ngành sản xuất ít hoặc không gây ô nhiễm môi trường. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải có phương án xử lý chất thải để tránh ô nhiễm môi trường.

+ Thường xuyên thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử phạt nghiêm khắc hoặc đình chỉ sản xuất đối với các nhà máy, các cơ sở sản xuất kinh doanh, v.v... gây ô nhiễm môi trường do các nguồn chất thải không được xử lý.

- Đối với đầu tư và thu hút đầu tư

+ Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống kè để chống sạt lở ven sông (sông Vệ, sông Phước Giang, sông Hiệp Phổ) nhằm hạn chế tác động của thiên tai, ổn định đời sống cho dân cư ven sông.

+ Thu hút đầu tư vào việc quy hoạch và xây dựng dựng nghĩa trang nhân dân huyện, chỉnh trang nghĩa trang thị trấn theo quy hoạch; có kế hoạch quy hoạch sắp xếp, di dời các nghĩa địa xen kẽ trong khu dân cư.

+ Thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng thoát nước, cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nhất là khu vực thị trấn Chợ Chùa.

+ Trong quá trình triển khai các dự án cụ thể về xây dựng các các cơ sở sản xuất công nghiệp; khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng; các dự án về du lịch dịch vụ, khu chăn nuôi, giết mổ tập trung... cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường...

- Nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường cảnh quan, có các biện pháp xử lý nghiêm trường hợp vi phạm.

# II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá hoặc hợp tác công - tư (*như xây dựng chợ, trường học...).*

- Thực hiện chính sách đổi đất tạo vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng, thông qua các biện pháp: Chuyển đổi vị trí của các trụ sở cơ quan hành chính có lợi thế, tiềm năng về kinh doanh dịch vụ và thương mại, phát triển đô thị; Khai thác hiệu quả về mặt vị trí thuận lợi, về dịch vụ thương mại, công nghiệp, các khu dân cư đô thị…đối với khu vực ven các trục giao thông, các trung tâm xã, thị trấn và các chợ …

- Căn cứ vào các mục tiêu của quy hoạch UBND huyện chủ động tiến hành xây dựng các phương án đầu tư bằng nhiều hình thức để người dân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư cùng thực hiện.

- Về vốn đầu tư, ngoài nguồn vốn từ ngân sách, Huyện sẽ tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh và an ninh quốc phòng như: Giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, thuỷ lợi nội đồng…trên cơ sở phát huy truyền thống, tích cực của quần chúng nhân dân. Đồng thời, phải có biện pháp ưu đãi thiết thực đối với nhân dân khi hiến đất; có kế hoạch bố trí vốn từ ngân sách Nhà nước để chỉnh lý biến động đất đai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận... Huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thông qua chính sách khuyến khích đầu tư.

+ Thực hiện phân bổ hợp lý nguồn vốn ngân sách được UBND tỉnh giao để đầu tư, phát triển các công trình phúc lợi xã hội như y tế, văn hoá, giáo dục,…trên địa bàn huyện. Đồng thời, có biện pháp huy động nguồn vốn trong nhân dân *(các doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng dân cư, kiều bào là con em trên địa bàn)* để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng, phúc lợi, an sinh xã hội.

+ Tăng cường quảng bá tiềm năng, thế mạnh, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện cũng như tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình giải phóng mặt bằng để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong lĩnh vực nông nghiêp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, phát triển đô thị, thương mại, du lịch dịch vụ, trang trại… lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, có đủ tiềm năng tài chính để thực hiện các công trình dự án đã được giao.

+ Tiếp tục thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để thực hiện các công trình giao thông, nhất là các tuyến đường hẻm trong các khu dân cư, trong đó lựa chọn các hình thức thực hiện như: Nhà nước đầu tư, vận động nhân dân hiến đất; vận động doanh nghiệp đầu tư vốn, vận động nhân dân hiến đất;…

# III. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch SDĐ.

- Trên cơ sở Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện;

- Quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch để ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm đất đai cũng như việc điều chỉnh những bất cập cho phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn huyện.

- Tổ chức tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, các dự án về phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu đô thị mới... trên địa bàn huyện.

- Xử lý nghiêm minh đúng pháp luật những vi phạm trong quản lý sử dụng đất, những hành vi làm tổn hại đến môi trường sinh thái.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương và cơ sở trên lĩnh vực quản lý đất đai.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, KHSD đất phải thống nhất chặt chẽ từ huyện đến cấp xã để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước; quy hoạch, kế hoạch của các ngành, địa phương có sử dụng đất phải dựa trên cơ sở QH, KHSD đất toàn huyện được UBND tỉnh phê duyệt. Đây là cứ pháp lý để giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy CNQSĐ đất đúng theo quy hoạch và pháp luật.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp; đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu làm tiền đề phát triển đô thị để khai thác tài nguyên đất đai vào phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao đời sống nhân dân.

- Thực hiện tốt việc đào tạo nghề, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề đối với lao động có đất bị thu hồi.

- Thực hiện việc lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu dân cư nông thôn nhất là đối với các khu đất vùng lỏm, đất công do nhà nước quản lý để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, tăng thu ngân sách địa phương.

- Triển khai cắm mốc lộ giới quy hoạch các tuyến đường giao thông, các công trình công cộng, ranh giới đất ở theo quy hoạch chi tiết xây dựng để nhân dân biết và tránh làm nhà ở xâm phạm hành lang an toàn giao thông, lấn chiếm đất các công trình công cộng chưa xây dựng gây khó khăn cho công tác quản lý của địa phương và các ngành chuyên môn.

- Sớm triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2.000 các khu vực chưa có quy hoạch hoặc đã phê duyệt từ trước năm 2010 và lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 để việc quản lý sử dụng đất, cấp phép xây dựng cho nhân dân được thuận tiện; tránh việc xây dựng lấn chiếm lộ giới quy hoạch các tuyến đường giao thông, các công trình công cộng và gây tranh chấp về sử dụng đất trong nhân dân.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chính sách, pháp luật liên quan đến sử dụng đất cho các tầng lớp nhân dân, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của nhân dân trong công tác quản lý và sử dụng, bảo vệ tài nguyên đất; bảo đảm cho đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi có đất canh tác và đất ở; tổ chức tốt việc định canh, định cư và tái định cư; ổn định đời sống cho người dân được giao rừng, khoán rừng.

- Hàng năm Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi và tổng hợp tình hình thực hiện QH, KHSD đất trên địa bàn huyện để báo cáo UBND huyện, HĐND huyện về kết quả thực hiện quy hoạch.

# IV. Các giải pháp khác.

**4.1. Giải pháp về cơ chế chính sách.**

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách về đất đai do Chính phủ và UBND tỉnh ban hành để công tác quản lý, sử dụng đất; thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện ngày càng tốt hơn.

- Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nghề và đào tạo việc làm cho hộ nông dân sau khi thu hồi đất sản xuất nông nghiệp: khi thu hồi đất nông nghiệp các dự án phải có phương án giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho các hộ nông dân để ổn định đời sống và tinh thần người dân sau khi bị thu hồi đất hoặc cho người dân góp vốn bằng đất đai và tham gia làm việc sau khi được đào tạo nghề.

- Khuyến khích nhân dân, các doanh nghiệp đầu tư vốn phát triển kinh tế trang trại nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao kết hợp phát triển du lịch để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Tạo điều kiện để nông dân dễ dàng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất, phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Cấp tỉnh hỗ trợ huyện trong việc tạo hành lang pháp lý thông thoáng, tạo điều kiệ để huyện thu hút vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp, các khu đô thị mới, nhà ở xã hội....

- Khuyến khích xã hội hóa trong đầu tư đầu tư vào phát triển các lĩnh vực: Văn hóa, y tế, thể thao, giáo dục-đào tạo và môi trường.

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện theo nguyên tắc: tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

**4.2. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật.**

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào phát triển sản xuất công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, dịch vụ..., nhằm sản xuất ra hàng hoá có số lượng nhiều và chất lượng tốt, giá thành rẻ đối với hàng hoá chủ lực, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong thành phố và yêu cầu thị trường ngoài nước.

- Tăng cường đầu tư trong việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai và sử dụng đất như kỹ thuật công nghệ số trong thống kê, xây dựng bản đồ địa chính; những tiến bộ sử dụng đất dốc bảo đảm môi trường sinh thái, tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng, trong sản xuất nông - lâm nghiệp... để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Ứng dụng các biện pháp canh tác tiên tiến trên vùng đất dốc như canh tác theo đường đồng mức; trồng các đai rừng chắn gió.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật và khuyến khích nhân dân ứng dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật, sử dụng các giống mới có năng suất cao và nhân rộng các mô hình sử dụng đất có hiệu quả trên địa bàn để tăng hiệu quả sử dụng đất.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; chế biến nông, lâm, thủy sản để hạn chế tác hại của chất thải gây ô nhiễm đất canh tác, nguồn nước và môi trường xung quanh.

# KỂT LUẬN VÀ KIỂN NGHỊ

# 1. Kết luận.

Tính khả thi của phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch năm đầu của quy hoạch sư dụng đất huyện Nghĩa Hành, được thể hiện ở những mặt cơ bản sau:

Trình tự, nội dung các bước lập phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện tuân thủ theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành được xây dựng dựa trên sơ sở tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ trước; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi và huyện Nghĩa Hành giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; tích hợp các Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Hành đến năm 2025 định hướng đến năm 2040; Đề án Phân vùng thích nghi đất đai phục vụ phát triển cây ăn quả huyện Nghĩa Hành đến năm 2030; Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Nghĩa Hành đến năm 2020 định hướng đến năm 2030; Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Chùa, Quy hoạch chi tiết 1/500 xây dựng thị trấn Chợ Chùa; các quy hoạch và định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực, nhu cầu sử dụng đất các sở, ban ngành, địa phương xác định; tiềm năng và quỹ đất hiện có của huyện.

Phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được xây dựng cho từng chỉ tiêu sử dụng đất cụ thể, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất trong từng giai đoạn để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên cơ sở có xét đến tính khả thi, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững và đảm bảo môi trường sinh thái.

Xác lập được sự ổn định về mặt pháp lý trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Là căn cứ để tiến hành giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng theo đúng pháp luật hiện hành, giúp cho các ngành có cơ sở pháp lý đầu tư phát triển trên địa bàn huyện; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân sử dụng đất đúng mục đích theo quy hoạch.

# 2. Kiến nghị.

Để có cơ sở pháp lý thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, UBND huyện Nghĩa Hành kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét thông qua và trình UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành làm cơ sở triển khai thực hiện đúng quy định.

**MỤC LỤC**

[ĐẶT VẤN ĐỀ …………………………………………………………………………..……1](#_Toc162920685)

[\* MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ……………………..…..2](#_Toc162920686)

[I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ……………. 3](#_Toc162920687)

[1.1. Các căn cứ pháp lý ………………………………………………………..……. 3](#_Toc162920688)

[1.2.Các tài liệu chuyên môn sử dụng để lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất ……………………………………………………………………….…..... 4](#_Toc162920689)

[2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường …………………………………….…….5](#_Toc162920690)

[*2.1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên ……………………………*8](#_Toc162920691)

[*d. Tài nguyên khoáng sản ………………………………………………………….*14](#_Toc162920692)

[*2.1.3. Phân tích thực trạng môi trường ……………………………………..* 15](#_Toc162920693)

[2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội ………………………………………………………………………………………….. 16](#_Toc162920694)

[Phần II ……………………………………………………………………………………. 30](#_Toc162920695)

[PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ………………………... 31](#_Toc162920696)

[ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN NGHĨA HÀNH ………………………………………………. 31](#_Toc162920697)

[I. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ……………………... 31](#_Toc162920698)

[1.2 Tổng hợp cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất ………………………… 33](#_Toc162920699)

[3.1.Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực …………………… 51](#_Toc162920700)

[3.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất ………….. 52](#_Toc162920701)

[3.1.2.Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: 53](#_Toc162920702)

[3.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất ……………………. 54](#_Toc162920703)

[3.2.1. Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp ………………………………….. 54](#_Toc162920704)

[3.2.3. Đất chưa sử dụng ……………………………………………………………. 57](#_Toc162920705)

[3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích …………………….. 58](#_Toc162920706)

[3.4. Diện tích đất cần thu hồi ………………………………………………….. 60](#_Toc162920707)

[3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng …………………….. 63](#_Toc162920708)

[3.6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch ……….. 65](#_Toc162920709)

[3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất ……………………………………………………………. 65](#_Toc162920710)

[GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ………………………………………………………………... 68](#_Toc162920711)

[I. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường …………….. 68](#_Toc162920712)

[II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất …….. 69](#_Toc162920713)

[III. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch SDĐ ………………………………………………………………………………………….70](#_Toc162920714)

[IV. Các giải pháp khác ……………………………………………………………...71](#_Toc162920715)

[KỂT LUẬN VÀ KIỂN NGHỊ …………………………………………………………..…73](#_Toc162920716)

[1. Kết luận ………………………………………………………………………………73](#_Toc162920717)

[2. Kiến nghị ……………………………………………………………………………...73](#_Toc162920718)